

Số/ No.:1063 /XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025
Ha Noi, day 29 month 08 year 2025

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi the Stock Exchange.

Tên tổ chức/ Name of Organization: **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)/ Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation**

- Mã chứng khoán/ Stock Code : **PVX**
- Địa chỉ/ Address.: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội/ 14th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.
- Điện thoại/ Telephone : 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Email: adminpvc.vn Website: <http://pvc.vn> or <http://petrocons.vn>

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam** thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên sau soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/ In accordance with Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation hereby discloses the reviewed semi-annual financial statements for 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. BCTC bán niên sau soát xét năm 2025 theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm/ The reviewed semi-annual financial statements for 2025 in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

☐ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ Separate Financial Statements (for organizations without subsidiaries and for superior-level accounting entities with affiliated units);

☒ BCTC Công ty mẹ (Tổ chức có công ty con)/ Parent Company Financial Statements (for organizations with subsidiaries);

☐ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ Combined Financial Statements (for organizations with affiliated accounting units that have their own accounting apparatus).

2. Các văn bản giải trình phải công bố thông tin đồng thời cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm/ Explanatory

documents required to be disclosed simultaneously with the financial statements in accordance with Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ Từ chối cho ý kiến)/ *Did the audit firm express an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (Qualified Opinion / Adverse Opinion / Disclaimer of Opinion)?*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán/
Explanatory document regarding the audit opinion other than an unqualified opinion:

☒ Có / Yes

☐ Không / No

ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *Has the after-tax profit (net income) in the Income Statement for the reporting period changed by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước/ *Explanatory document for a change of 10% or more in after-tax profit compared to the same period of the previous year:*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/ *Has the after-tax profit for the reporting period changed by 5% or more before and after the audit/review, or changed from a loss to a profit or vice versa?*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/ *Explanatory document for a change of 5% or more in after-tax profit before and after the audit/review, or a shift from loss to profit or vice versa:*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *Was there a loss in after-tax profit during the reporting period, representing a shift from profit in the same period of the previous year to a loss, or vice versa?*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *Explanatory document for a loss in after-tax profit during the reporting period, representing a shift from profit in the same period of the previous year to a loss, or vice versa:*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn/ *This information has been disclosed on the Company's website at the following:* <http://pvc.vn> or <http://petrocons.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information.*

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As mentioned above;*
- HĐQT/BOD, BKS/BOS (e-copy);
- Ban TGD/ *Executive Board* (e-copy);
- Người PT QT kiêm thư ký Công ty/CGO-CS (e-copy);
- VT/OD, TCKT-KT/ *FAD*;

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Representative of the Organization
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
Authorized Person for Information
Disclosure



Ngô Thị Thu Hoài
Ms. Ngo Thi Thu Hoai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 48
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 30/06/2025, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.793,73 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.774,96 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.769,89 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 244,47 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 753,34 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc soát xét báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Tổng Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 30/06/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2025 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 932,58 tỷ VND và 861,84 tỷ VND. Các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 30/06/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính này.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra kết luận của chúng tôi.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.525.427.228.347	3.638.934.763.990
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	930.711.588.413	354.571.200.087
111	1. Tiền		840.841.588.413	198.571.200.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		89.870.000.000	156.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	154.509.326.478	154.509.326.478
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.600.000.000	14.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		153.794.326.478	153.794.326.478
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.042.255.285.877	1.632.922.337.631
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	706.166.417.061	1.309.321.214.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	569.230.497.038	558.689.562.551
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	288.781.673.838	286.750.465.332
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(878.325.243.579)	(878.240.846.048)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		724.988.026	724.988.026
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.291.438.724.376	1.383.604.585.419
141	1. Hàng tồn kho		1.291.438.724.376	1.395.015.419.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(11.410.834.208)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		106.512.303.203	113.327.314.375
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	187.369.949	217.796.265
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		84.932.184.777	91.752.277.880
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	21.392.748.477	21.357.240.230

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		693.610.066.081	704.055.897.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.893.210.988	22.893.210.988
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	22.893.210.988	22.893.210.988
220	II. Tài sản cố định		10.163.966.768	10.497.124.460
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.868.966.760	10.152.124.454
222	- Nguyên giá		50.296.874.592	50.296.874.592
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.427.907.832)	(40.144.750.138)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	295.000.008	345.000.006
228	- Nguyên giá		5.505.180.340	5.505.180.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.210.180.332)	(5.160.180.334)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	158.052.738.487	158.163.600.046
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		24.071.571.756	24.471.433.315
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		133.981.166.731	133.692.166.731
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	497.444.954.566	506.679.379.070
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	1.384.909.968.398
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		735.449.467.055	735.449.467.055
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		191.595.000.000	191.595.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.814.509.480.887)	(1.805.275.056.383)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.055.195.272	5.822.582.843
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.055.195.272	5.822.582.843
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.219.037.294.428	4.342.990.661.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.935.313.245.335	4.040.498.219.300
310	I. Nợ ngắn hạn		3.769.893.449.291	3.874.354.502.480
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.490.265.527.264	2.584.563.934.007
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	184.782.394.972	178.580.304.121
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.311.186.035	2.441.499.047
314	4. Phải trả người lao động		10.889.170.545	15.062.073.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	88.119.105.121	94.861.379.122
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.447.841.545	1.447.841.545
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	421.689.277.760	419.672.124.755
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	575.670.157.122	585.006.557.122
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
330	II. Nợ dài hạn		165.419.796.044	166.143.716.820
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	49.908.331.269	50.632.252.045
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	13.856.187	13.856.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		283.724.049.093	302.492.442.097
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	283.724.049.093	302.492.442.097
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(29.710.000)	(29.710.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		76.986.992.734	76.986.992.734
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		500.000.000	500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.793.733.233.641)	(3.774.964.840.637)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.774.964.840.637)	(3.779.085.731.797)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(18.768.393.004)	4.120.891.160
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.219.037.294.428	4.342.990.661.397

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	275.939.993.826	167.027.291.978
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		275.939.993.826	167.027.291.978
11	3. Giá vốn hàng bán	25	276.169.435.435	169.029.165.165
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(229.441.609)	(2.001.873.187)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	26	19.051.694.555	13.583.283.585
22	6. Chi phí tài chính	27	15.110.000.918	47.798.985.531
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.169.442.576	5.258.589.188
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	22.278.397.125	30.197.975.036
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.566.145.097)	(66.415.550.169)
31	9. Thu nhập khác	29	617.387.262	357.672.289
32	10. Chi phí khác	30	819.635.169	223.779.491
40	11. Lợi nhuận khác		(202.247.907)	133.892.798
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(18.768.393.004)	(66.281.657.371)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(18.768.393.004)	(66.281.657.371)


Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng




Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(18.768.393.004)	(66.281.657.371)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		333.157.692	559.646.870
03	- Các khoản dự phòng		(2.092.012.173)	21.204.723.757
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.900.452.733)	8.026.661.981
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.339.432.193)	(4.516.605.728)
06	- Chi phí lãi vay		2.169.442.576	5.258.589.188
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(25.597.689.835)	(35.748.641.303)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		600.041.084.307	(32.167.989.347)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		103.976.556.810	38.213.993.430
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(97.763.900.068)	(43.856.572.879)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		797.813.887	1.019.256.526
14	- Tiền lãi vay đã trả		(194.116.473)	(3.299.874.935)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.063.300.000	871.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(954.900.000)	(917.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		581.368.148.628	(75.885.828.508)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(289.000.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	357.181.818
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.497.186.965	4.159.423.910
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.208.186.965	4.516.605.728
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	33.769.791.667
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(9.336.400.000)	(38.038.573.822)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.336.400.000)	(4.268.782.155)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		573.239.935.593	(75.638.004.935)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		354.571.200.087	250.481.504.058
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.900.452.733	4.898.084.010
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	930.711.588.413	179.741.583.133

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 4.000.000.000.000 VND

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 147 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Trong kỳ do nghiệm thu được một số hạng mục có giá trị lớn tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với chủ đầu tư, cùng với đó là ghi nhận khoản doanh thu về tiền điện chạy thử nhà máy dẫn đến doanh thu kỳ này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 108,91 tỷ VND tương đương 65,21%). Cùng với sự tăng doanh thu là sự tăng giá vốn (tăng 107,14 tỷ VND tương đương 63,39%). Trong khi đó, chi phí tài chính giảm mạnh chủ yếu do lỗ từ chênh lệch tỷ giá kỳ này ít hơn so với kỳ trước. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 30/06/2025, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.793,73 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.774,96 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.769,89 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 244,47 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 753,34 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế

hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Hưng Yên	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch	Hà Tĩnh	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	Tp Hồ Chí Minh	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester	Hải Phòng	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ	Phú Thọ	Quản lý dự án
Chi nhánh phía Bắc	Hà Nội	Xây lắp

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Tổng Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc/ Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chúng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Tổng Công ty mẹ) của Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí tiền thuê văn phòng trả trước được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trong hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Tổng Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố đồng thời báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2.26 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	310.908.066	409.150.412
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	840.530.680.347	198.162.049.675
Các khoản tương đương tiền (i)	89.870.000.000	156.000.000.000
	930.711.588.413	354.571.200.087

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 89.870.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 1,6%/năm đến 1,9%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	153.794.326.478	-	153.794.326.478	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	153.794.326.478	-	153.794.326.478	-
	153.794.326.478	-	153.794.326.478	-

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 153.794.326.478 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,2 %/năm đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 21).

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
- Công ty CP Thiết bị	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
Nội ngoại thất Dầu				
khí				
	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	30/06/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng (đã điều chỉnh)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	(958.203.802.029)		1.384.909.968.398	(952.044.935.217)	
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình		325.000.000.000	(273.544.361.488)	72,22%	325.000.000.000	(260.599.596.984)	72,22%
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PXS	286.227.385.833	(226.874.541.328)	50,97%	286.227.385.833	(230.740.744.190)	50,97%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn		170.000.000.000	(32.385.093.226)	52,56%	170.000.000.000	(32.542.332.346)	52,56%
- Công ty CP Dầu khí Đồng Đô	PFL	195.150.582.565	(114.990.667.524)	34,87%	195.150.582.565	(117.668.521.014)	34,87%
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	PXC	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%	153.532.000.000	(153.532.000.000)	53,44%
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	PXI	153.000.000.000	(83.889.692.467)	51,00%	153.000.000.000	(83.402.972.479)	51,00%
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PXT	102.000.000.000	(72.987.445.995)	51,00%	102.000.000.000	(73.558.768.204)	51,00%
Đầu tư vào công ty liên kết		735.449.467.055	(706.316.495.237)		735.449.467.055	(703.240.937.545)	
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%	83.271.467.055	(83.271.467.055)	24,72%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		58.050.000.000	(29.475.256.810)	42,46%	58.050.000.000	(26.632.401.788)	42,46%
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%	75.600.000.000	(75.600.000.000)	36,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%	72.400.000.000	(72.400.000.000)	48,27%
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	PVA	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%	54.395.000.000	(54.395.000.000)	22,64%
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)		57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%	57.000.000.000	(57.000.000.000)	43,16%
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (i)		200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	40,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)		107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%	107.500.000.000	(107.500.000.000)	35,83%
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí (i)	PID	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%	19.993.000.000	(19.993.000.000)	49,98%
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC (i)		3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%	3.740.000.000	(3.740.000.000)	44,00%
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		3.500.000.000	(2.941.771.372)	35,00%	3.500.000.000	(2.709.068.702)	35,00%
Các khoản đầu tư khác		191.595.000.000	(149.989.183.621)		191.595.000.000	(149.989.183.621)	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long		147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)		23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)	23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam		12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (i)		3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (i)		2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)		2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
		2.311.954.435.453	(1.814.509.480.887)		2.311.954.435.453	(1.805.275.066.383)	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con:

Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí với giá trị là 153,5 tỷ VND căn cứ vào Báo cáo tài chính quý II năm 2024 tự lập của công ty này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác:

Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính trên dựa theo các căn cứ sau:

Đơn vị	Căn cứ trích lập dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư đã thu thập được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã soát xét		148.000.000.000	(148.000.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	BCTC 6 tháng đầu năm 2025 đã soát xét	75.600.000.000	(75.600.000.000)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	BCTC 6 tháng đầu năm 2025 đã soát xét	72.400.000.000	(72.400.000.000)
Các khoản đầu tư chưa thu thập được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 đã soát xét		779.044.467.055	(708.305.678.858)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	BCTC tại ngày 31/12/2021 đã kiểm toán	83.271.467.055	(83.271.467.055)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	BCTC tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán	58.050.000.000	(29.475.256.810)
- Công ty CP Xi măng Hạ Long	BCTC tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán	147.300.000.000	(147.300.000.000)
- Các đơn vị còn lại (i)	BCTC gần nhất thu thập được (i)	490.423.000.000	(448.258.954.993)

(i) Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của các công ty này.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSĐS bản án nêu trên.

Ngày 25/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này Tổng Công ty đang làm các thủ tục liên quan đến các tài sản trên đất của lô đất tại Tam Đảo và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	46,51%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô (ii)	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

(ii) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	35,83%	35,83%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	42,46%	42,46%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)				
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	35,01%	43,16%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	22,64%	22,64%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	49,98%	49,98%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	44,00%	44,00%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (iii)	Hà Nội	97,22%	35,00%	Truyền thông và thương mại

(iii) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro - link) tại ngày 30/06/2025 là 97,22% tuy nhiên tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35%, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định và trình bày khoản đầu tư vào Petro - link là đầu tư vào công ty liên kết.

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng...
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Nam Định	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng

5 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	276.097.840.946	-	876.699.599.102	-
Viện Dầu khí Việt Nam	35.900.754.233	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	(91.469.710.445)	91.469.710.445	(91.469.710.445)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.330.868.807)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Phải thu khách hàng khác	265.637.300.713	(63.392.108.848)	262.552.394.246	(63.315.711.317)
	<u>706.166.417.061</u>	<u>(178.940.219.148)</u>	<u>1.309.321.214.277</u>	<u>(178.863.821.617)</u>

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Các đối tượng khác	346.978.698.521	(179.410.144.085)	336.437.764.034	(179.410.144.085)
	<u>569.230.497.038</u>	<u>(306.131.220.498)</u>	<u>558.689.562.551</u>	<u>(306.131.220.498)</u>

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	(269.172.594.052)	-	-	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần.

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	5.595.090.815	-	2.752.845.587	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.844.483.067	(8.844.483.067)	8.844.483.067	(8.844.483.067)
Phải thu về tạm ứng	9.197.541.787	(980.806.391)	9.318.700.625	(980.806.391)
Ký cược, ký quỹ	409.275.926	-	409.275.926	-
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
(i) Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	112.417.670.580	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
Phải thu khác	104.657.421.518	(44.193.503.233)	108.251.121.459	(44.185.503.233)
	288.781.673.838	(124.081.209.881)	286.750.465.332	(124.073.209.881)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-
	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 33).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 15). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	213.903.740.693	34.963.521.545	213.958.742.267	35.094.920.650
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	-	91.469.710.445	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.912.086.778	22.912.086.778	23.091.722.361	23.091.722.361
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.401.643.107	2.070.774.300	25.401.643.107	2.070.774.300
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	19.243.197.464	-	19.243.197.464	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	97.326.195	-	97.326.195	-
Các đối tượng khác	36.207.557.654	9.980.660.467	36.082.923.645	9.932.423.989
b) Trả trước cho người bán	340.933.569.626	34.802.349.128	340.933.569.626	34.802.349.128
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	24.570.776.980	6.714.619.343	24.570.776.980	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	-	11.263.563.283	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	31.415.100.604	5.219.940.661	31.415.100.604	5.219.940.661

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
c) Phải thu về cho vay	355.676.953.493	86.504.359.441	355.676.953.493	86.504.359.441
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d) Phải thu khác ngắn hạn	130.296.547.589	6.215.337.708	130.288.547.589	6.215.337.708
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	7.170.266.109	-	7.170.266.109	-
Các đối tượng khác	27.153.624.878	1.473.269.973	27.145.624.878	1.473.269.973
	1.040.810.811.401	162.485.567.822	1.040.857.812.975	162.616.966.927



10 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	431.700.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.288.847.735.243	-	1.379.564.112.312	-
Hàng hoá	333.945.000	-	13.194.263.182	(11.410.834.208)
	1.291.438.724.376	-	1.395.015.419.627	(11.410.834.208)

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	1.015.808.541.059	1.110.252.563.799
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	245.057.868.468	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ii)	12.889.703.081	12.889.703.081
Các công trình khác	15.091.622.635	11.363.976.964
	1.288.847.735.243	1.379.564.112.312

(i) Các công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1

- Địa điểm xây dựng: Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ)
- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam ký kết hợp đồng 2348/HĐ-DKVN ngày 10/04/2015 EPC với Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên;
- Tổng Công ty là nhà thầu phụ cho Tổng thầu theo Hợp đồng số C15/SH1-LLM-PVC gói thầu thi công các hạng mục xây dựng;
- Tổng giá trị hợp đồng: 2.555.445.781.034 VND (sau thuế);
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Thời gian bắt đầu năm 2016, thời gian kết thúc dự kiến 2018;
- Đến nay dự án đã hoàn thành và đang chờ quyết toán.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	187.369.949	217.796.265
	187.369.949	217.796.265
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng (i)	4.819.870.285	5.472.381.608
Chi phí trả trước dài hạn khác	235.324.987	350.201.235
	5.055.195.272	5.822.582.843

(i) Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng toà nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08/01/2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.833.001.007	4.544.455.037	18.608.996.556	10.310.421.992	50.296.874.592
Số dư cuối kỳ	16.833.001.007	4.544.455.037	18.608.996.556	10.310.421.992	50.296.874.592
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.753.336.146	4.544.455.037	18.608.996.556	10.237.962.399	40.144.750.138
Khấu hao trong kỳ	245.217.570	-	-	37.940.124	283.157.694
Số dư cuối kỳ	6.998.553.716	4.544.455.037	18.608.996.556	10.275.902.523	40.427.907.832
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.079.664.861	-	-	72.459.593	10.152.124.454
Tại ngày cuối kỳ	9.834.447.291	-	-	34.519.469	9.868.966.760

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 36.365.997.840 VND (tại ngày 01/01/2025 là 36.365.997.840 VND).

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.505.180.340	5.505.180.340
Số dư cuối kỳ	5.505.180.340	5.505.180.340
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.160.180.334	5.160.180.334
Khấu hao trong kỳ	49.999.998	49.999.998
Số dư cuối kỳ	5.210.180.332	5.210.180.332
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	345.000.006	345.000.006
Tại ngày cuối kỳ	295.000.008	295.000.008

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 5.005.180.340 VND (tại ngày 01/01/2025 là 5.005.180.340 VND).

14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án Nhà máy Xơ sợi	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	6.929.963.962	1.218.354.603	7.329.825.521	1.618.216.162
	70.651.193.356	24.071.571.756	71.051.054.915	24.471.433.315

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Khu đất Tam Đảo - Vĩnh Phúc	289.000.000	-
	133.981.166.731	133.692.166.731

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng Công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty DL E&C Co., Ltd (i)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	207.108.219.700	207.108.219.700	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	177.259.565.265	177.259.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	59.275.146.373	59.275.146.373	70.514.325.748	70.514.325.748
Tập đoàn Sojitz	111.744.046.642	111.744.046.642	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	165.972.251.767	165.972.251.767	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	57.444.675.794	57.444.675.794	57.624.311.377	57.624.311.377
Các đối tượng khác	667.041.979.419	667.041.979.419	749.307.204.080	749.307.204.080
	2.490.265.527.264	2.490.265.527.264	2.584.563.934.007	2.584.563.934.007

- (i) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phần tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tổ tụng ("PO số 1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Trong kỳ, VIAC đang làm việc để thu thập lời khai của các nhân chứng. Ngày 25/7/2025, DL E&C đã gửi thư đề xuất đến Hội đồng Trọng tài về việc bổ sung thêm người làm chứng (factual witness) là ông Choi Ok Jin – người đại diện theo pháp luật của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Công ty DL E&C Co., Ltd và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	63.770.025.034	63.770.025.034
Các đối tượng khác	38.233.894.039	32.031.803.188
	184.782.394.972	178.580.304.121

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	161.641.578	104.877.171	104.877.171	26.600.011	161.641.578
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	-	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	-	21.256.556.285	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.045.511	1.251.202.808	883.179.456	956.204.934	89.553.758	1.216.685.577
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.028.654.661	933.453.884	1.303.102.471	-	659.006.074
Các loại thuế khác	3.000.000	-	6.209.598.230	3.932.745.424	-	2.273.852.806
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	783.720	-	77.901.787	77.901.787	783.720	-
	21.357.240.230	2.441.499.047	8.209.010.528	6.374.831.787	21.392.748.477	4.311.186.035

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	83.059.552.904	89.852.094.281
Chi phí phải trả khác	5.059.552.217	5.009.284.841
	88.119.105.121	94.861.379.122
b) Dài hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	115.497.608.588	115.497.608.588
	115.497.608.588	115.497.608.588

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.447.841.545	1.447.841.545
	1.447.841.545	1.447.841.545
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	49.908.331.269	50.632.252.045
	49.908.331.269	50.632.252.045

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTD/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Ráp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 14) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.692.885.804	1.779.814.942
Bảo hiểm xã hội	169.381.625	50.959.975
Bảo hiểm y tế	193.109.341	93.089.851
Bảo hiểm thất nghiệp	21.717.319	17.551.681
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.705.600	3.000.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (ii)	177.674.072.491	172.784.334.551
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Phải trả khác	49.888.161.578	52.902.129.753
	421.689.277.760	419.672.124.755
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	13.856.187	13.856.187
	13.856.187	13.856.187

(i) Tại ngày 30/06/2025, số dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 33.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 21. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Trong đó bao gồm 42,22 tỷ VND là khoản phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam số tiền đã hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

21 VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (i)	9.336.400.000	9.336.400.000	-	9.336.400.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	585.006.557.122	585.006.557.122	-	9.336.400.000	575.670.157.122	575.670.157.122
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn (ii)	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(575.670.157.122)	(575.670.157.122)			(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			-	-

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2025	01/01/2025
						VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (nay là Chi nhánh Hà Đông)	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp (*)	-	9.336.400.000
						-	9.336.400.000

(*) Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi (Xem thuyết minh số 4).

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại							
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	31/12/2017	Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	31/12/2017	Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	31/12/2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	310.670.157.122
						575.670.157.122	575.670.157.122
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						-	-

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	575.670.157.122	177.674.072.491	575.670.157.122	172.784.334.551
	575.670.157.122	177.674.072.491	575.670.157.122	172.784.334.551

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.779.085.731.797)	298.371.550.937
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	(66.281.657.371)	(66.281.657.371)
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.845.367.389.168)	232.089.893.566
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.774.964.840.637)	302.492.442.097
Lỗi trong kỳ này	-	-	-	-	(18.768.393.004)	(18.768.393.004)
Số dư cuối kỳ này	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>(29.710.000)</u>	<u>76.986.992.734</u>	<u>500.000.000</u>	<u>(3.793.733.233.641)</u>	<u>283.724.049.093</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000
	77.486.992.734	77.486.992.734

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
USD	29.545.887,46	7.364.593,80

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.716.217.233	9.716.217.233

24 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	219.272.676.694	164.789.137.873
Doanh thu bán hàng	1.452.856.336	985.255.941
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.214.460.796	1.252.898.164
	275.939.993.826	167.027.291.978

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	218.566.075.447	165.802.372.326
Giá vốn bán hàng	13.067.493.277	1.423.522.028
Giá vốn cung cấp dịch vụ	55.946.700.919	1.803.270.811
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.410.834.208)	-
	276.169.435.435	169.029.165.165

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.339.432.193	4.159.423.910
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.811.809.629	4.525.775.665
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.900.452.733	4.898.084.010
	19.051.694.555	13.583.283.585

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.169.442.576	5.258.589.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	813.625.507	13.503.581.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	12.924.745.991
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	9.234.424.504	13.697.408.076
Chi phí tài chính khác	2.892.508.331	2.414.660.539
	15.110.000.918	47.798.985.531

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.720.062.300	16.163.813.556
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	205.270.798	135.761.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.007.248	228.907.400
Thuế, phí và lệ phí	448.537.571	434.790.311
Chi phí dự phòng	84.397.531	7.507.315.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.930.048.416	3.175.899.192
Chi phí khác bằng tiền	1.786.073.261	2.551.487.531
	22.278.397.125	30.197.975.036

29 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	357.181.818
Tiền phạt thu được	613.162.295	-
Thu nhập khác	4.224.967	490.471
	617.387.262	357.672.289

30 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	111.916.442	207.370.289
Các khoản bị phạt	707.718.727	-
Các khoản khác	-	16.409.202
	819.635.169	223.779.491

31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(18.768.393.004)	(66.281.657.371)
Các khoản điều chỉnh tăng	982.171.346	375.887.502
- Chi phí không được trừ	982.171.346	375.887.502
Thu nhập chịu thuế TNDN	(17.786.221.658)	(65.905.769.869)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.541.885	1.362.639.797
Chi phí nhân công	21.182.439.471	22.327.504.740
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	205.270.798	824.218.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.157.692	559.646.870
Thuế, phí và lệ phí	832.958.062	983.078.114
Chi phí dự phòng	84.397.531	7.507.315.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.078.451.589	124.308.683.520
Chi phí khác bằng tiền	4.786.603.356	3.140.059.282
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	205.575.820.384	161.013.146.771

33 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối kỳ	Dư nợ vay quá hạn cuối kỳ	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối kỳ
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 30/06/2025:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND;
- Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 30/06/2025 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn (nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 30/06/2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, ngoài vụ kiện được nêu tại thuyết minh số 15, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

34 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chưa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp

đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

35 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

36 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Hội đồng quản trị			
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	1.240.291.291	1.220.258.282
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	309.237.143	302.879.303
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	122.520.000	123.665.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	280.350.576	275.609.410
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	261.580.000	257.200.070
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	266.603.572	260.904.499
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	1.162.233.643	1.106.193.741
Ông Phan Từ Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	319.985.553	207.820.000
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	-	109.537.217
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	286.558.064	281.276.575
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	284.893.986	237.585.990
		270.796.040	269.973.959
Ban Kiểm soát			
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	268.443.120	275.910.749
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	236.043.120	243.510.749
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	16.200.000	16.200.000
		16.200.000	16.200.000

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) hồi tố lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2024 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm đi 17.761.115.440 VND. Từ đó Tổng Công ty xác định cần điều chỉnh lại khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn từ các năm trước. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính riêng năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ				
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.796.242.246.766)	(1.805.275.056.383)	(9.032.809.617)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(3.770.052.922.180)	(3.779.085.731.797)	(9.032.809.617)



Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

**PETROVIETNAM CONSTRUCTION
JOINT STOCK CORPORATION**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

(Reviewed)



CONTENTS

	Page
Report of the Board of Management	02 - 03
Review report on Interim Financial Information	04 - 05
Reviewed Interim Separate Financial Statements	06 - 48
Interim Separate Statement of Financial position	06 - 08
Interim Separate Statement of Income	09
Interim Separate Statement of Cash flows	10
Notes to the Interim Separate Financial Statements	11 - 48

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

14th Floor, VPI Tower, 167 Trung Kinh street, Yen Hoa ward, Hanoi

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation") presents its report and the Corporation's Interim Separate Financial Statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

THE CORPORATION

PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (the "Corporation"), a member of Vietnam National Industry - Energy Group (PVN), formerly known as PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, was established in Vietnam by privatizing Petroleum Design and Construction Corporation under Decision No. 532/QĐ-TCCB dated 26 March 2004 of the Minister of Industry (currently known as the Ministry of Industry and Trade). PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Corporation No. 4903000232 dated 13 March 2006 issued by The Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau.

As per Resolution No. 3604/NQ-DKVN dated 26 October 2007, the Board of Members of Vietnam National Industry - Energy Group approved the proposal to transfer Petro Construction Joint Stock Corporation into PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, operating under the holding - subsidiary model. The Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Corporation No. 3500102365 dated 20 December 2007 and the 22nd amendment dated 18 January 2024, issued by Hanoi Authority for Planning and Investment.

The Corporation's head office, as per the latest amendment of the Enterprise Registration Certificate, is located at 14th floor, Vietnam Petroleum Institute building, 167 Trung Kinh street, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Hanoi. Currently, this address has been changed to: 14th floor, Vietnam Petroleum Institute building, 167 Trung Kinh street, Yen Hoa ward, Hanoi.

BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT, BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Directors during the period and to the reporting date are:

Mr. Nghiem Quang Huy	Chairman	(Reappointed on May 29, 2025)
Mr. Pham Van Khanh	Independent Member	(Reappointed on May 29, 2025)
Mr. Tran Hai Bang	Member	
Mr. Chu Thanh Hai	Member	
Mr. Nguyen Hoai Nam	Member	

Members of the Board of Management during the period and to the reporting date are:

Mr. Tran Quoc Hoan	General Director
Mr. Nguyen Van Dong	Deputy General Director
Mr. Bui Son Truong	Deputy General Director
Mr. Pham Trung Kien	Deputy General Director

The legal representative of the Corporation during the period and until the preparation of the Interim Separate Financial Statements is Mr. Tran Quoc Hoan - General Director.

Members of the Board of Supervision are:

Mr. Hua Xuan Nam	Head	(Reappointed on May 29, 2025)
Mr. Nguyen Ngoc Cuong	Member	
Ms. La Minh Hue	Member	(Appointed on May 29, 2025)
Mr. Phung Van Sy	Member	(Resigned on May 29, 2025)

AUDITORS

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the review of Interim Separate Financial Statements for the Corporation.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Interim Separate Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Corporation, its operating results and its cash flows for the period. In preparing those Interim Separate Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by the Board of Management and Board of Directors to ensure the preparation and presentation of Interim Separate Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Interim Separate Financial Statements;
- Prepare and present the Interim Separate Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Separate Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporation will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Corporation, with reasonable accuracy at any time and to ensure that the Interim Separate Financial Statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Corporation and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Interim Separate Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 30 June 2025, its operation results and cash flows for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 of the Corporation in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Corporation complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Corporation does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by the Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of the Board of Management



Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 29 August 2025

REVIEW REPORT ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

**To: Shareholders, Board of Directors and Board of Management
PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation**

We have reviewed the accompanying Interim Separate Financial Statements of Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation prepared on 29 August 2025, from pages 06 to 48 including: Interim Separate Statement of financial position as at 30 June 2025, Interim Separate Statement of income, Interim Separate Statement of cash flows and Notes to Interim Separate financial statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and presentation of interim Separate financial statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of interim financial statements and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation and presentation of interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on the accompanying Interim Separate Financial Statements. However, due to the matters described in the "Basis for Disclaimer of Conclusion" paragraph, we were unable to obtain sufficient appropriate evidence as a basis for expressing a conclusion on the Interim Separate Financial Statements.

Basis for Disclaimer of Conclusion

We were unable to assess the effect of the following matters on the Corporation's Interim Separate Financial Statements for the accounting period from 01 January 2025 to 30 June 2025 (attached):

1. As at 30 June 2025, the Interim Separate Financial Statements of the Corporation reflect the following: Accumulated loss (code 421) of VND 3,793.73 billion (compared to VND 3,774.96 billion as at 01 January 2025); current liabilities (code 310) of VND 3,769.89 billion, exceeding current assets (code 100) by VND 244.47 billion (as at 01 January 2025, current liabilities were 3,874.35 billion, exceeding current assets by VND 235.42 billion); overdue debts of VND 753.34 billion (compared to 748.45 billion as at 01 January 2025). These factors, along with the disclosures in Note 1, raise significant doubts about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's continuing operations depend on plans to recover debts, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and obtain financial support from shareholders and creditors. Within the scope of our review report on the Financial Statements, we do not have sufficient information to evaluate the appropriateness and effectiveness of these plans.
2. As at 30 June 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its operations (the same amount was recorded as at 01 January 2025), for which a provision of VND 124.4 billion had been made (unchanged from 01 January 2025) (see Note 7). We were unable to obtain sufficient evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at both 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.

3. As at 30 June 2025, the cost of work in progress for the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (see Note 10) and the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (see Note 14) amounted to approximately VND 245.1 billion and VND 25.8 billion, respectively (the same amounts were reported as at 01 January 2025). As at the reporting date of the Interim Separate Financial Statements, the Corporation was still working with the relevant authorities on (1) approval for adjustments relating to unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) the acceptance and finalization of the Corporation's incurred expenses for the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain sufficient evidence regarding the net realizable value of these works in progress as at both 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.
4. Note 14 of the Separate Financial Statements presents a balance of construction in progress as at 30 June 2025 relating to projects invested by the Corporation that have been suspended in previous years, namely (1) the Petroleum University Urban Areas Project and (2) the Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project, with a total amount of approximately VND 5.72 billion (the same as at 01 January 2025). We were unable to obtain adequate documentation regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.
5. As at 30 June 2025, the Corporation held investments in subsidiaries, associates and other entities with a total book value of VND 932.58 billion and an impairment provision of VND 861.84 billion. These investments were provided for impairment based on the latest financial statements available to the Corporation (see Note 4). We were unable to obtain adequate documentation regarding the impairment losses on these investments and to perform alternative procedures to assess the adequacy of the impairment provision as at 30 June 2025. Therefore, we could not determine whether adjustments to these figures are necessary.

Disclaimer of Conclusion

Because of the significance of the matter described in the "Basis for Disclaimer of Conclusion" paragraph, we were unable to obtain sufficient appropriate evidence as a basis to form a conclusion on the Interim Separate Financial Statements. Accordingly, we do not express a conclusion on these Financial Statements.

Emphasis of Matter

As presented in Note 33 of the Interim Separate Financial Statements, as at 30 June 2025, the Corporation had certain contingent liabilities, for which the final outcome of the related obligations has not yet been determined.

Our conclusion is not modified in respect of this matter.



Phạm Anh Tuan
Deputy General Director
Registered Auditor No: 0777-2023-002-1
Hanoi, 29 August 2025

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 30 June 2025

Code	ASSETS	Note	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(adjusted) VND
100	A. CURRENT ASSETS		3,525,427,228,347	3,638,934,763,990
110	I. Cash and cash equivalents	3	930,711,588,413	354,571,200,087
111	1. Cash		840,841,588,413	198,571,200,087
112	2. Cash equivalents		89,870,000,000	156,000,000,000
120	II. Short-term investments	4	154,509,326,478	154,509,326,478
121	1. Trading securities		14,600,000,000	14,600,000,000
122	2. Provision for diminution in value of trading securities		(13,885,000,000)	(13,885,000,000)
123	3. Held-to-maturity investments		153,794,326,478	153,794,326,478
130	III. Short-term receivables		1,042,255,285,877	1,632,922,337,631
131	1. Short-term trade receivables	5	706,166,417,061	1,309,321,214,277
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	569,230,497,038	558,689,562,551
135	3. Short-term loan receivables	7	355,676,953,493	355,676,953,493
136	4. Other short-term receivables	8	288,781,673,838	286,750,465,332
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(878,325,243,579)	(878,240,846,048)
139	6. Shortage of assets awaiting resolution		724,988,026	724,988,026
140	IV. Inventories	10	1,291,438,724,376	1,383,604,585,419
141	1. Inventories		1,291,438,724,376	1,395,015,419,627
149	2. Provision for devaluation of inventories		-	(11,410,834,208)
150	V. Other short-term assets		106,512,303,203	113,327,314,375
151	1. Short-term prepaid expenses	11	187,369,949	217,796,265
152	2. Deductible VAT		84,932,184,777	91,752,277,880
153	3. Taxes and other receivables from State budget	17	21,392,748,477	21,357,240,230

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

(Continued)

Code	ASSETS	Note	30/06/2025	01/01/2025 (adjusted)
			VND	VND
200	B. NON-CURRENT ASSETS		693,610,066,081	704,055,897,407
210	I. Long-term receivables		22,893,210,988	22,893,210,988
216	1. Other long-term receivables	8	22,893,210,988	22,893,210,988
220	II. Fixed assets		10,163,966,768	10,497,124,460
221	1. Tangible fixed assets	12	9,868,966,760	10,152,124,454
222	- Historical cost		50,296,874,592	50,296,874,592
223	- Accumulated depreciation		(40,427,907,832)	(40,144,750,138)
227	2. Intangible fixed assets	13	295,000,008	345,000,006
228	- Historical cost		5,505,180,340	5,505,180,340
229	- Accumulated depreciation		(5,210,180,332)	(5,160,180,334)
240	III. Long-term assets in progress	14	158,052,738,487	158,163,600,046
241	1. Long-term work in progress		24,071,571,756	24,471,433,315
242	2. Construction in progress		133,981,166,731	133,692,166,731
250	IV. Long-term investments	4	497,444,954,566	506,679,379,070
251	1. Investments in subsidiaries		1,384,909,968,398	1,384,909,968,398
252	2. Investments in joint ventures and associates		735,449,467,055	735,449,467,055
253	3. Equity investments in other entities		191,595,000,000	191,595,000,000
254	4. Provision for devaluation of long-term investments		(1,814,509,480,887)	(1,805,275,056,383)
260	V. Other long-term assets		5,055,195,272	5,822,582,843
261	1. Long-term prepaid expenses	11	5,055,195,272	5,822,582,843
270	TOTAL ASSETS		4,219,037,294,428	4,342,990,661,397

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 30 June 2025
(Continued)

Code	CAPITAL	Note	30/06/2025 VND	01/01/2025 (adjusted) VND
300	C. LIABILITIES		3,935,313,245,335	4,040,498,219,300
310	I. Current liabilities		3,769,893,449,291	3,874,354,502,480
311	1. Short-term trade payables	15	2,490,265,527,264	2,584,563,934,007
312	2. Short-term prepayments from customers	16	184,782,394,972	178,580,304,121
313	3. Taxes and other payables to State budget	17	4,311,186,035	2,441,499,047
314	4. Payables to employees		10,889,170,545	15,062,073,834
315	5. Short-term accrued expenses	18	88,119,105,121	94,861,379,122
318	6. Short-term unearned revenue	19	1,447,841,545	1,447,841,545
319	7. Other short-term payables	20	421,689,277,760	419,672,124,755
320	8. Short-term borrowings and finance lease liabilities	21	575,670,157,122	585,006,557,122
322	9. Bonus and welfare fund		(7,281,211,073)	(7,281,211,073)
330	II. Non-current liabilities		165,419,796,044	166,143,716,820
333	1. Long-term accrued expenses	18	115,497,608,588	115,497,608,588
336	2. Long-term unearned revenue	19	49,908,331,269	50,632,252,045
337	3. Other long-term payables	20	13,856,187	13,856,187
400	D. OWNER'S EQUITY		283,724,049,093	302,492,442,097
410	I. Owner's equity	22	283,724,049,093	302,492,442,097
411	1. Contributed capital		4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
411a	- Ordinary shares with voting rights		4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
415	2. Treasury shares		(29,710,000)	(29,710,000)
418	3. Development and investment funds		76,986,992,734	76,986,992,734
420	4. Other reserves		500,000,000	500,000,000
421	5. Retained earnings		(3,793,733,233,641)	(3,774,964,840,637)
421a	- Retained earnings accumulated to previous year		(3,774,964,840,637)	(3,779,085,731,797)
421b	- Retained earnings of the current period		(18,768,393,004)	4,120,891,160
440	TOTAL CAPITAL		4,219,037,294,428	4,342,990,661,397


Vu Thi Cham
Preparer


Vu Minh Cong
Chief Accountant


Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 29 August 2025



INTERIM SEPARATE STATEMENT OF INCOME
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

Code	ITEMS	Note	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	24	275,939,993,826	167,027,291,978
10	2. Net revenue from sales of goods and rendering of services		275,939,993,826	167,027,291,978
11	3. Cost of goods sold and services rendered	25	276,169,435,435	169,029,165,165
20	4. Gross profit from sales of goods and rendering of services		(229,441,609)	(2,001,873,187)
21	5. Financial income	26	19,051,694,555	13,583,283,585
22	6. Financial expense	27	15,110,000,918	47,798,985,531
23	<i>In which: Interest expense</i>		2,169,442,576	5,258,589,188
26	7. General and administrative expenses	28	22,278,397,125	30,197,975,036
30	8. Net profit from operating activities		(18,566,145,097)	(66,415,550,169)
31	9. Other income	29	617,387,262	357,672,289
32	10. Other expenses	30	819,635,169	223,779,491
40	11. Other profit		(202,247,907)	133,892,798
50	12. Total net profit before tax		(18,768,393,004)	(66,281,657,371)
51	13. Current corporate income tax expense	31	-	-
60	14. Profit after corporate income tax		<u>(18,768,393,004)</u>	<u>(66,281,657,371)</u>


Vu Thi Cham
Preparer


Vu Minh Cong
Chief Accountant


Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 29 August 2025



INTERIM SEPARATE STATEMENT OF CASH FLOWS
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025
(Indirect method)

Code	ITEMS	Note	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		(18,768,393,004)	(66,281,657,371)
	2. Adjustment for			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		333,157,692	559,646,870
03	- Provisions		(2,092,012,173)	21,204,723,757
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency		(2,900,452,733)	8,026,661,981
05	- Gains / losses from investment activities		(4,339,432,193)	(4,516,605,728)
06	- Interest expense		2,169,442,576	5,258,589,188
08	3. Operating profit before changes in working capital		(25,597,689,835)	(35,748,641,303)
09	- Increase / decrease in receivables		600,041,084,307	(32,167,989,347)
10	- Increase / decrease in inventories		103,976,556,810	38,213,993,430
11	- Increase / decrease in payables		(97,763,900,068)	(43,856,572,879)
12	- Increase / decrease in prepaid expenses		797,813,887	1,019,256,526
14	- Interest paid		(194,116,473)	(3,299,874,935)
16	- Other receipts from operating activities		1,063,300,000	871,000,000
17	- Other payments on operating activities		(954,900,000)	(917,000,000)
20	Net cash flow from operating activities		581,368,148,628	(75,885,828,508)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(289,000,000)	-
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		-	357,181,818
27	3. Interest and dividend received		1,497,186,965	4,159,423,910
30	Net cash flow from investing activities		1,208,186,965	4,516,605,728
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	1. Proceeds from borrowings		-	33,769,791,667
34	2. Repayment of principal		(9,336,400,000)	(38,038,573,822)
40	Net cash flow from financing activities		(9,336,400,000)	(4,268,782,155)
50	Net cash flows in the period		573,239,935,593	(75,638,004,935)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		354,571,200,087	250,481,504,058
61	Effect of exchange rate fluctuations		2,900,452,733	4,898,084,010
70	Cash and cash equivalents at the end of the period	3	930,711,588,413	179,741,583,133


Vu Thi Cham
Preparer


Vu Minh Cong
Chief Accountant


Tran Quốc Hoàn
General Director
Hanoi, 29 August 2025

NOTES TO THE INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

1 GENERAL INFORMATION

Form of ownership

PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (the "Corporation"), a member of Vietnam National Industry - Energy Group (PVN), formerly known as PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, was established in Vietnam by privatizing Petroleum Design and Construction Corporation under Decision No. 532/QĐ-TCCB dated 26 March 2004 of the Minister of Industry (currently known as the Ministry of Industry and Trade). PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Corporation No. 4903000232 dated 13 March 2006 issued by The Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau.

As per Resolution No. 3604/NQ-DKVN dated 26 October 2007, the Board of Members of Vietnam National Industry - Energy Group approved the proposal to transfer Petro Construction Joint Stock Corporation into PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, operating under the holding - subsidiary model. The Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Corporation No. 3500102365 dated 20 December 2007 and the 22nd amendment dated 18 January 2024, issued by Hanoi Authority for Planning and Investment.

The Corporation's head office, as per the latest amendment of the Enterprise Registration Certificate, is located at 14th floor, Vietnam Petroleum Institute building, 167 Trung Kinh street, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Hanoi. Currently, this address has been changed to: 14th floor, Vietnam Petroleum Institute building, 167 Trung Kinh street, Yen Hoa ward, Hanoi.

The total charter capital of the Corporation is VND 4,000,000,000,000.

The number of employees of the Corporation as at 30 June 2025 was 147 people (as at 01 January 2025: 154 people).

Business field: Construction

Business activities

Main business activities of the Corporation include: construction and installation works of industrial and civil projects.

The Corporation's operation during the period that affects the Interim Separate Financial Statements:

During the period, the Corporation continued the implementation of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project with an expected gross loss rate of 0.67%, pursuant to the Board of Directors' provisional approval of the EPC Contract implementation plan for the project. During the period, revenue increased significantly compared to the same period last year (up by VND 108.91 billion, equivalent to 65.21%) as a result of the acceptance of several major items at the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project with the investor, along with the recognition of revenue from electricity generated during the trial run of the plant. Along with the increase in revenue, cost of goods sold also rose (up by VND 107.14 billion, equivalent to 63.39%). Meanwhile, financial expenses decreased sharply, mainly due to lower foreign exchange losses compared to the previous period. These factors were the primary drivers behind the significant fluctuations in the Interim Separate Statement of Income.

Applying going concern assumption:

As at 30 June 2025, The Interim Separate Financial Statements of the Corporation reflected the following: Accumulated losses (code 421) of VND 3,793.73 billion (compared to VND 3,774.96 billion as at 01 January 2025); current liabilities (code 310) of VND 3,769.89 billion, exceeding current assets (code 100) by VND 244.47 billion (as at 01 January 2025, current liabilities were

VND 3,874.35 billion, exceeding current assets by VND 235.42 billion); and overdue debts of VND 753.34 billion (compared to VND 748.45 billion as at 01 January 2025). These factors raise substantial doubt about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's ability to continue as a going concern depends on its plan to recover debts, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and secure financial support from shareholders and creditors.

Corporate structure

The Corporation's member entities are as follows:

Name	Address	Main business activities
Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project Management Unit	Hung Yen	Managing Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project
Vung Ang - Quang Trach Project Management Unit	Ha Tinh	Managing Vung Ang - Quang Trach Project
Southern Projects Management Unit	Ho Chi Minh City	Project management
Polyester Plant Project Management Unit	Hai Phong	Project management
Ethanol Phu Tho Plant Project Management Unit	Phu Tho	Project management
Northern Branch	Hanoi	Construction

Information of Subsidiaries, Associates of the Corporation is provided in Note 04.

Comparability of information on Interim Separate Financial Statements

The information in the Interim Separate Financial Statements has been consistently presented by the Corporation and is comparable between accounting periods.

2 ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences on 01 January and ends on 31 December.

The Corporation maintains its accounting records in Vietnamese Dong (VND).

2.2 Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Corporation applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Corporation applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. The Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 Basis for preparation of the Interim Separate Financial Statements

The Separate Financial Statements are presented based on historical cost principle.

The Separate Financial Statements of the Corporation are prepared based on summarization of the financial statements of the independent accounting entities and the head office of the Corporation.

The Separate Financial Statements of the Corporation are prepared based on summarization of transactions incurred of dependent accounting entities and the head office of the Corporation.

The Users of the Interim Separate Financial Statements should study the Interim Separate Financial Statements combined with the Interim Consolidated Financial Statements of the Corporation and its subsidiaries for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 in order to gain enough information regarding the financial position, operating results and cash flows of the Corporation.

2.4 Accounting estimates

The preparation of Interim Separate Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the Interim Separate financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the accounting period.

The estimates and assumptions that have a material impact on the Interim Separate Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Provision for payables;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated corporate income tax;

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Corporation and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.5 Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the period are translated into Vietnamese Dong using the actual rate at the transaction date

Actual exchange rate when revaluing monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of Interim Separate Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Corporation regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where the Corporation opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Corporation regularly conducts transactions.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the period.

2.6 Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of no more than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

2.7 Financial investments

Trading securities are initially recognized at original cost which includes purchase prices plus any directly attributable transaction costs such as brokerage, transaction fee, cost of information provision, taxes, bank's fees and charges. After initial recognition, trading securities are measured at original cost less provision for diminution in value of trading securities. Upon liquidation or transfer, cost of trading securities is determined using weighted average method.

Investments held to maturity comprise term deposits (including treasury bills and promissory notes), bonds, preference shares which the issuer is required to repurchase at a certain time in the future and loans, etc. held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

Investments in subsidiaries, joint ventures or associates are initially recognized at original cost. After initial recognition, value of these investments is measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

For dividends received in the form of shares, only the number of shares received is recorded without any increase in the investment value and financial income.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the period as follows:

Investments in trading securities: provision shall be made on the basis of the excess of original cost of the investments recorded in the accounting book over their market value at the provision date.

Investments in subsidiaries, joint ventures or associates: provision shall be made based on the Separate Financial Statements/Consolidated Financial Statements (if the investee is a parent company) of subsidiaries, joint ventures or associates at the provision date.

Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.

Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.8 Receivables

The receivables shall be recorded in detail by due date, receivable entity, types of currency and other factors according to requirements for management of the Corporation. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the interim Separate financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.9 Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using the weighted average method.

Inventory is recorded by a perpetual.

Method for valuation of work in process at the end of the period: The value of work in progress is recorded for each construction project which is incomplete or revenue is unrecognised, corresponding to the amount of work in progress at the end of the period.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.10 Fixed assets

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During their useful lives, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs augment future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental cost in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Separate Statement of Income in the period in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 -25 years
- Machinery, equipment	05 -10 years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10 years
- Office equipment	03 - 07 years
- Management software	03 years

2.11 Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets which are being purchased and constructed as at the balance sheet date and is recognised in historical cost. This includes costs of construction, installation of equipment and other direct costs.

2.12 Operating lease

Operating lease is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership is retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

2.13 Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include:

- Tools and supplies include assets which are possessed by the Corporation in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dong and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 01 to 03 years.
- Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis from 01 to 03 years.
- Prepaid office rental expenses are recognized at cost and amortized on a straight-line basis over the lease term specified in the contract.

2.14 Payables

The payables shall be recorded in detail by due date, payable entity, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Corporation. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the interim Separate financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.15 Borrowings

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings and finance lease liabilities.

2.16 Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the period, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs". Besides, regarding borrowings serving the construction of fixed assets and investment properties, the interests shall be capitalized even when the construction duration is under 12 months.

2.17 Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the which are recorded as operating expenses of the reporting period.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the period shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the period. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.18 Unearned revenues

Unearned revenues include prepayments from customers for one or many accounting periods relating to asset leasing.

Unearned revenues are transferred to revenue from sale of goods and rendering of services with the amount corresponding to each accounting period.

2.19 Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (January 1, 2021) are shares issued by the Corporation and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after January 1, 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Corporation's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Corporation.

The Corporation's net profit after tax is distributed to the following funds according to recommendation of the Board of Directors and approval of shareholders at annual General Meeting of Shareholders:

- Development and investment funds: The fund is reserved for the purpose of business expansion or in-depth investment of the Corporation.
- Bonus and welfare fund and bonus for the Board of Management: The fund is reserved for the purpose of bonus, material incentives, common benefit and increasing welfare for employees and presented as a liability on the Interim Separate Statement of Financial Position.

2.20 Revenue

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Corporation and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns.

The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Construction contract revenue

- In case the construction contract stipulates that the contractor is paid according to the value of the volume performed, when the results of construction contract performance are reliably determined and confirmed by the customer, then revenue, contract-related costs are recorded in proportion to the completed work confirmed by the customer in the year reflected on the invoice.

Revenue from rendering of services:

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

Financial income

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the Corporation shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation; and
- The amount of the revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Corporation's right to receive dividend is established.

2.21 Cost of goods sold and services rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the period, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

2.22 Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Borrowing costs;
- Losses from the disposal and transfer of short-term securities, transaction cost of selling securities;
- Provision for diminution in value of trading securities price; provision for losses from investment in other entities, losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the period without offsetting against financial income.

2.23 General and administrative expenses

General and administrative expenses reflect the Corporation's overall management costs, primarily including salaries of management personnel, social insurance, health insurance, trade union fees, unemployment insurance for management staff, office supplies, work tools, depreciation of fixed assets used for corporate management, provisions for doubtful debts, outsourced service costs, and other related expenses

2.24 Corporate income tax

Current corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

Current corporate income tax rate

The Corporation is subject to corporate income tax of 20% for the operating activities which has taxable income for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

2.25 Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Corporation's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Corporation or being under the control of the Corporation, or being under common control with the Corporation, including the Corporation's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Corporation that have a significant influence on the Corporation, key management personnel including directors and employees of the Corporation, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Interim Separate Financial Statements, the Corporation should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

Details of related party transactions are presented in the Consolidated Financial Statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 of the Corporation published concurrently by the Corporation in its Consolidated Financial Statements and Separate Financial Statements.

2.26 Segment information

Due the Corporation operates mainly in the construction field, which takes place primarily within the territory of Vietnam, the Corporation does not prepare segment reports by business field or by geographical area.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cash on hand	310,908,066	409,150,412
Demand deposits	840,530,680,347	198,162,049,675
Cash equivalents (i)	89,870,000,000	156,000,000,000
	930,711,588,413	354,571,200,087

(i) As at 30 June 2025, cash equivalents included term deposits with maturities from 1 to 3 months amounting to VND 89,870,000,000, placed at the Ha Dong Branch of the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, bearing interest rates ranging from 1.6%/year to 1.9%/year.

4 FINANCIAL INVESTMENTS

a) Held to maturity investments

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Short-term investments	153,794,326,478	-	153,794,326,478	-
Term deposits (i)	153,794,326,478	-	153,794,326,478	-
	153,794,326,478	-	153,794,326,478	-

(i) As of June 30, 2025, term deposits with maturities over 6 months and under 12 months, amounting to VND 153,794,326,478, were placed at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development – Ha Dong Branch, with interest rates ranging from 2.9%/year to 4.2%/year. These deposits are pledged as collateral for loans at this bank (see Note 21).

b) Trading securities

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Shares	14,600,000,000	(13,885,000,000)	14,600,000,000	(13,885,000,000)
Petroleum Internal and External Equipment JSC	14,600,000,000	(13,885,000,000)	14,600,000,000	(13,885,000,000)
	14,600,000,000	(13,885,000,000)	14,600,000,000	(13,885,000,000)

c) Equity investments in other entities

	Stock Code	30/06/2025			01/01/2025		
		Original cost	Provision	Rate of voting rights	Original cost	Provision	Rate of voting rights
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Investments in subsidiaries		1,384,909,968,398	(958,203,802,029)		1,384,909,968,398	(952,044,935,217)	
- Thai Binh Petroleum Trading and Investment JSC		325,000,000,000	(273,544,361,488)	72.22%	325,000,000,000	(260,599,596,984)	72.22%
- Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure JSC	PXS	286,227,385,833	(226,874,541,328)	50.97%	286,227,385,833	(230,740,744,190)	50.97%
- Binh Son Petroleum Construction JSC		170,000,000,000	(32,385,093,226)	52.56%	170,000,000,000	(32,542,332,346)	52.56%
- Petroleum Dong Do JSC	PFL	195,150,582,565	(114,990,667,524)	34.87%	195,150,582,565	(117,668,521,014)	34.87%
- Petro Vietnam Urban Development JSC	PXC	153,532,000,000	(153,532,000,000)	53.44%	153,532,000,000	(153,532,000,000)	53.44%
- Petroleum Industrial and Civil Construction JSC	PXI	153,000,000,000	(83,889,692,467)	51.00%	153,000,000,000	(83,402,972,479)	51.00%
- Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC	PXT	102,000,000,000	(72,987,445,996)	51.00%	102,000,000,000	(73,558,768,204)	51.00%
Investments in associates		735,449,467,055	(706,316,495,237)		735,449,467,055	(703,240,937,545)	
- Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	PSG	83,271,467,055	(83,271,467,055)	24.72%	83,271,467,055	(83,271,467,055)	24.72%
- Duyen Hai Petro Construction Investment JSC		58,050,000,000	(29,475,256,810)	42.46%	58,050,000,000	(26,832,401,788)	42.46%
- Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	PVH	75,600,000,000	(75,600,000,000)	36.00%	75,600,000,000	(75,600,000,000)	36.00%
- Mien Trung Petroleum Construction JSC	PXM	72,400,000,000	(72,400,000,000)	48.27%	72,400,000,000	(72,400,000,000)	48.27%
- Petrovietnam - Nghe An Construction Joint Stock Corporation	PVA	54,395,000,000	(54,395,000,000)	22.64%	54,395,000,000	(54,395,000,000)	22.64%
- Lam Kinh Hotel JSC (i)		57,000,000,000	(57,000,000,000)	43.16%	57,000,000,000	(57,000,000,000)	43.16%
- Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC (i)		200,000,000,000	(200,000,000,000)	40.00%	200,000,000,000	(200,000,000,000)	40.00%
- Hanoi Petroleum Construction JSC(i)		107,500,000,000	(107,500,000,000)	35.83%	107,500,000,000	(107,500,000,000)	35.83%
- Petroleum Interior Decoration JSC (i)	PID	19,993,000,000	(19,993,000,000)	49.98%	19,993,000,000	(19,993,000,000)	49.98%
- Heerim-PVC International Design JSC (i)		3,740,000,000	(3,740,000,000)	44.00%	3,740,000,000	(3,740,000,000)	44.00%
- Petroleum Link Communication and Trading JSC (i)		3,500,000,000	(2,941,771,372)	35.00%	3,500,000,000	(2,709,068,702)	35.00%
Investments in other entities		191,595,000,000	(149,989,183,621)		191,595,000,000	(149,989,183,621)	
- Ha Long Cement JSC		147,300,000,000	(147,300,000,000)	7.58%	147,300,000,000	(147,300,000,000)	7.58%
- Kinh Bac Petroleum Construction and Investment JSC (i)		23,500,000,000	(1,200,936,821)	15.67% (*)	23,500,000,000	(1,200,936,821)	15.67% (*)
- Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC		12,500,000,000	(1,488,246,800)	2.50%	12,500,000,000	(1,488,246,800)	2.50%
- Truong Son Investment Group JSC(i)		3,000,000,000	-	3.99%	3,000,000,000	-	3.99%
- Petroleum Construction JSC 2 (i)		2,795,000,000	-	5.00%	2,795,000,000	-	5.00%
- Petro Vietnam Building Materials and Construction JSC 4 (i)		2,500,000,000	-	10.00%	2,500,000,000	-	10.00%
		2,311,954,435,453	(1,814,509,480,887)		2,311,954,435,453	(1,805,275,056,383)	

The Corporation has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System has not provided any detailed guidance on the determination of the fair value.

Provision for devaluation of investments in subsidiaries:

The Corporation has made a provision for devaluation of investment in Petro Vietnam Urban Development Joint Stock Company with a value of VND 153.5 billion, based on the unreviewed financial statements for the second quarter of 2025 of that Company.

Provision for devaluation of investments in associates and other investments:

As at 30 June 2025 the Corporation has made provision for the above financial investments on the following:

Entity	Base for provisions	Original cost VND	Provision VND
Investments for which reviewed financial statements for the first half of 2025 have been obtained		148,000,000,000	(148,000,000,000)
- Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	Reviewed Financial Statements as at 30/06/2025	75,600,000,000	(75,600,000,000)
- Mien Trung Petroleum Construction JSC	Reviewed Financial Statements as at 30/06/2025	72,400,000,000	(72,400,000,000)
Investments for which reviewed financial statements for the first half of 2025 haven't been obtained		779,044,467,055	(708,305,678,858)
- Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	Audited Financial Statements as at 31/12/2021	83,271,467,055	(83,271,467,055)
- Duyen Hai PetroVietnam Investment and Construction JSC	Audited Financial Statements as at 31/12/2024	58,050,000,000	(29,475,256,810)
- Ha Long Cement JSC	Audited Financial Statements as at 31/12/2024	147,300,000,000	(147,300,000,000)
- Other entities (i)	Latest Financial Statements (i)	490,423,000,000	(448,258,954,993)

(i) The Corporation has not yet collected the financial statements for the fiscal year ended as at 30 June 2025 of these companies.

(*) The value of the investment in Kinh Bac Petroleum Investment and Construction Joint Stock Company ("PVC Kinh Bac") is VND 23.5 billion including 2 parts:

- An amount of VND 2.5 billion in capital contributions incurred before 2010, accounting for 5% of PVC Kinh Bac's charter capital at that time of VND 50 billion; and
- An amount of VND 21 billion arising in 2010 from a debt offset arrangement with the amount advanced by the Corporation to PVC Kinh Bac to support a construction contract, when PVC Kinh Bac's charter capital was VND 150 billion. This amount was determined to be used by PVC Kinh Bac to purchase 3,400 m² of land at Plot No. 06, Map sheet No. 20, Hamlet 1, Tam Dao town, Tam Dao district, Vinh Phuc province ("the Tam Dao land lot"), which was then transfer to Mai Phuong Investment Company Limited ("Mai Phuong").

According to Judgment No.412/2021/HSPT dated 29 September 2021, it was concluded that:

- The case of advancing construction funds to PVC Kinh Bac Company was in violation of regulations, and the Tam Dao land lot should be returned to the Corporation;
- The Corporation's capital contribution ratio in Kinh Bac Petroleum Investment and Construction Joint Stock Company will be resolved by the related parties themselves, and if necessary, will be handled in a separate civil lawsuit.

On 01 June 2022, the Director of the Hanoi Civil Judgment Enforcement Department issued Enforcement Decision No. 905/QĐ-CTHSDS based on the above judgment.

On 25 September 2024, the Corporation received the transfer of the land use rights for 3,400 m² of land at Plot No. 06, Map Sheet No. 20, Hamlet 1, Tam Dao Town, Tam Dao District, Vinh Phuc Province, from Mai Phuong Investment Company Limited.

On June 27, 2025, the Corporation was granted the Certificate of Land Use Rights and Ownership of Assets Attached to Land.

As of the date of preparation of these interim separate financial statements, the Corporation is completing procedures related to the assets on the land lot in Tam Dao and is working with PVC Kinh Bac to reassess the capital contribution ratio.

Detailed information about the investee entities as of 30 June 2025 is as follows:

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
Subsidiary company				
Thai Binh Petroleum Trading and Investment JSC	Thai Binh	72.22%	72.22%	Construction, real estate business and services
Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure JSC	Ba Ria - Vung Tau	50.97%	50.97%	Construction, real estate business
Binh Son Petroleum Construction JSC	Quang Ngai	46.51%	52.56%	Real estate business, construction materials
Petroleum Dong Do JSC (ii)	Ha Noi	34.87%	34.87%	Real estate business and services
Petro Vietnam Urban Development JSC	Ca Mau	53.44%	53.44%	Construction, real estate business
Petroleum Industrial and Civil Construction JSC	Ba Ria - Vung Tau	51.00%	51.00%	Construction, industrial manufacturing, real estate business
Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC	Ba Ria - Vung Tau	51.00%	51.00%	Construction, real estate business

(ii) According to the assessment of the Board of Management, although the Corporation's voting rights in Dong Do Petroleum Joint Stock Company are less than 50%, the Corporation still exercises control over this company by directing its financial and operating policies, as well as assigning and evaluating the implementation of its annual production and business plan, operational support, construction and installation contracts, market strategies, and financial matters. Accordingly, Dong Do Petroleum Joint Stock Company is deemed a subsidiary of the Corporation.

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
Investments in associates				
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	Ha Noi	40.00%	40.00%	Construction, real estate business
Hanoi Petroleum Construction JSC	Ha Noi	35.83%	35.83%	Construction, real estate business
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	Ho Chi Minh City	24.72%	24.72%	Construction, real estate business
Duyen Hai PetroVietnam Investment and Construction JSC	Hai Phong	42.46%	42.46%	Industrial investment, fuel, and construction materials
Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	Thanh Hoa	36.00%	36.00%	Construction, real estate business

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
Investments in associates (Continued)				
Mien Trung Petroleum Construction JSC	Da Nang	48.27%	48.27%	Construction, real estate business
Lam Kinh Hotel JSC	Thanh Hoa	35.01%	43.16%	Hotel service business
Petrovietnam - Nghe An Construction Joint Stock	Nghe An	22.64%	22.64%	Construction, real estate business
Petroleum Interior Decoration JSC	Ha Noi	49.98%	49.98%	Design and construction of construction works
Heerim-PVC International Design JSC	Ha Noi	44.00%	44.00%	Site Planning and Design, architectural design works
Petroleum Link Communication and Trading JSC (iii)	Ha Noi	97.22%	35.00%	Communications and Trade

(iii) The Corporation's ownership rate in the Petroleum Union Communication and Trading Joint Stock Company (Petro - link) as at 30 June 2025 is 97.22%. However, this ownership rate is only temporary because the remaining members have not contributed enough capital. The ownership rate (contributing capital) of the Corporation according to the Certificate of Business Registration is 35%, the Corporation does not have control over this company. Therefore, the Board of Management of the Corporation determines and presents the investment in Petro - link as an investment in an associate.

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
Investment in other entities				
Ha Long Cement JSC	Quang Ninh	7.58%	7.58%	Production and sales of cement products
Kinh Bac Petroleum Construction and Investment JSC	Bac Ninh	15.67%	15.67%	Construction of civil engineering works
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	Hanoi	2.50%	2.50%	Wholesale of machinery and equipment
Truong Son Investment Group JSC	Quang Binh	3.99%	3.99%	Civil construction, investment, real estate business, resort tourism, etc
Petroleum Construction JSC 2	Nam Dinh	5.00%	5.00%	Construction consulting
Petro Vietnam Building Materials and Construction JSC 4	Hanoi	10.00%	10.00%	Construction consulting

5 SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	276,097,840,946	-	876,699,599,102	-
Vietnam Petroleum Institute	35,900,754,233	(747,531,048)	36,963,772,960	(747,531,048)
Hanoi Petroleum Construction JSC	91,469,710,445	(91,469,710,445)	91,469,710,445	(91,469,710,445)
Petrovietnam - Nghe An Construction Joint Stock Corporation	37,060,810,724	(23,330,868,807)	41,635,737,524	(23,330,868,807)
Others	265,637,300,713	(63,392,108,848)	262,552,394,246	(63,315,711,317)
	<u>706,166,417,061</u>	<u>(178,940,219,148)</u>	<u>1,309,321,214,277</u>	<u>(178,863,821,617)</u>

6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	113,386,879,741	(17,856,157,637)	113,386,879,741	(17,856,157,637)
Hanoi Petroleum Construction JSC	108,864,918,776	(108,864,918,776)	108,864,918,776	(108,864,918,776)
Others	346,978,698,521	(179,410,144,085)	336,437,764,034	(179,410,144,085)
	<u>569,230,497,038</u>	<u>(306,131,220,498)</u>	<u>558,689,562,551</u>	<u>(306,131,220,498)</u>

7 SHORT-TERM LOAN RECEIVABLES

	01/01/2025		During the period		30/06/2025	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Lam Kinh Hotel JSC (i)	200,000,000,000	(124,356,150,003)	-	-	200,000,000,000	(124,356,150,003)
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC (ii)	128,357,292,532	(128,357,292,532)	-	-	128,357,292,532	(128,357,292,532)
Petrovietnam - Nghe An Construction Joint Stock Corporation (ii)	16,321,991,226	(5,461,481,782)	-	-	16,321,991,226	(5,461,481,782)
Petroleum internal and External Equipment JSC	10,997,669,735	(10,997,669,735)	-	-	10,997,669,735	(10,997,669,735)
	355,676,953,493	(269,172,594,052)	-	-	355,676,953,493	(269,172,594,052)

- (i) The Corporation used the loan from Credit Contract No. 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC dated 30 June 2011 signed with OceanBank (now Modern Bank of Vietnam - MBV) to provide a loan to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company ("Lam Kinh Hotel") for the purpose of supporting its business operations.
- (ii) The Corporation used the loan from the Credit Contract No. 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC dated 20 October 2010 between Ocean Commercial Joint Stock Bank (now Modern Bank of Vietnam - MBV) and the Corporation to make payments on behalf of Sai Gon Petroleum Construction and Investment Joint stock Company and Nghe An Petroleum Construction Corporation Joint Stock Company for the transfer of shares;

According to Official Letter No.7697/2014/CV - Oceanbank dated 9 December 2014, issued by Oceanbank (now Modern Bank of Vietnam - MBV), the extended repayment deadline for the above loans was 31 December 2017. As at the date of these Separate Financial Statements, the Corporation is working with the related parties to further extend the repayment period for the loans at Modern Bank of Vietnam - MBV. Additionally, the Corporation is engaging with the aforementioned companies to recover the amounts either loaned to or paid on their behalf in order to secure funds for repaying the loans at Modern Bank of Vietnam - MBV, thereby enhancing its liquidity and ensuring compliance with regulations on corporate governance applicable to public companies.

8 OTHER RECEIVABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
Receivables from deposit interest	5,595,090,815	-	2,752,845,587	-
Dividends and profits receivable	8,844,483,067	(8,844,483,067)	8,844,483,067	(8,844,483,067)
Advance	9,197,541,787	(980,806,391)	9,318,700,625	(980,806,391)
Mortgages	409,275,926	-	409,275,926	-
Receivables relating to guarantee obligations (i)	42,770,314,825	(42,328,848,975)	42,770,314,825	(42,328,848,975)
Receivables from loan interest, capital support, late payment penalty interest, late payment	112,417,670,580	(27,733,568,215)	109,513,848,523	(27,733,568,215)
International arbitration fees without a ruling (ii)	4,889,875,320	-	4,889,875,320	-
Others	104,657,421,518	(44,193,503,233)	108,251,121,459	(44,185,503,233)
	<u>288,781,673,838</u>	<u>(124,081,209,881)</u>	<u>286,750,465,332</u>	<u>(124,073,209,881)</u>
b) Long-term				
Mortgages	22,893,210,988	-	22,893,210,988	-
	<u>22,893,210,988</u>	<u>-</u>	<u>22,893,210,988</u>	<u>-</u>

(i) Receivables from guarantee obligations are the amount deducted by the bank from the Corporation's account to fulfill guarantee obligations for the credit contracts that the Corporation has guaranteed (Detailed in Note 33).

(ii) This arbitration fee was paid to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC) to facilitate the submission of a counterclaim against DL E&C Co., Ltd, related to Arbitration Case No. 05/24 VIAC between the Corporation and DL E&C Co., Ltd (Note 15). On 31 May 2024, the Corporation submitted the counterclaim against DL E&C Co., Ltd to VIAC and paid the arbitration fee as per VIAC's notice, requesting the Arbitral Tribunal to resolve the Corporation's claims regarding DL E&C Co., Ltd's breaches during the execution of the EPS Contract. This arbitration fee will be allocated by the Arbitral Tribunal upon the issuance of the arbitration award.

9 DOUBTFUL DEBTS

Receivables that are overdue or not yet overdue but difficult to recover:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
a) Customer receivables	213,903,740,693	34,963,521,545	213,958,742,267	35,094,920,650
Ha Noi Petroleum Construction JSC	91,469,710,445	-	91,469,710,445	-
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	22,912,086,778	22,912,086,778	23,091,722,361	23,091,722,361
Petro Vietnam Nghe An Construction JSC	25,401,643,107	2,070,774,300	25,401,643,107	2,070,774,300
Viet Nam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	19,243,197,464	-	19,243,197,464	-
Truong Son Investment Group JSC	572,219,050	-	572,219,050	-
Petrovietnam Senior Oil and Gas Service JSC	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
Petroleum internal and External Equipment JSC	97,326,195	-	97,326,195	-
Others	36,207,557,654	9,980,660,467	36,082,923,645	9,932,423,989
b) Prepayments to suppliers	340,933,569,626	34,802,349,128	340,933,569,626	34,802,349,128
Viet Nam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	24,570,776,980	6,714,619,343	24,570,776,980	6,714,619,343
Hanoi Petroleum Construction JSC	108,864,918,776	-	108,864,918,776	-
Petro Vietnam Nghe An Construction JSC	11,263,563,283	-	11,263,563,283	-
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	47,905,728,732	21,708,864,306	47,905,728,732	21,708,864,306
Mien Trung Petroleum Construction JSC	26,744,518,395	-	26,744,518,395	-
Vinaconex 39 JSC	34,069,058,988	1,057,959,818	34,069,058,988	1,057,959,818
Truong Son Investment Group JSC	29,923,230,049	100,965,000	29,923,230,049	100,965,000
Petroleum Construction JSC 2	26,176,673,819	-	26,176,673,819	-
Others	31,415,100,604	5,219,940,661	31,415,100,604	5,219,940,661



	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
c) Loan receivables	355,676,953,493	86,504,359,441	355,676,953,493	86,504,359,441
Lam Kinh Hotel JSC	200,000,000,000	75,643,849,997	200,000,000,000	75,643,849,997
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	128,357,292,532	-	128,357,292,532	-
Petro Vietnam Nghe An Construction JSC	16,321,991,226	10,860,509,444	16,321,991,226	10,860,509,444
Petroleum internal and External Equipment JSC	10,997,669,735	-	10,997,669,735	-
d) Other short-term receivables	130,296,547,589	6,215,337,708	130,288,547,589	6,215,337,708
Lam Kinh Hotel JSC	6,138,310,290	-	6,138,310,290	-
Mien Trung Petroleum Construction JSC	28,795,218,993	-	28,795,218,993	-
Viet Nam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	163,889,314	-	163,889,314	-
Ha Noi Petroleum Construction JSC	8,125,138,911	-	8,125,138,911	-
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	4,742,067,735	4,742,067,735	4,742,067,735	4,742,067,735
Vinaconex 39 JSC	103,192,384	-	103,192,384	-
Modern Bank of Vietnam Limited	42,328,848,975	-	42,328,848,975	-
Petrovietnam Senior Oil and Gas Service JSC	5,575,990,000	-	5,575,990,000	-
Petroleum internal and External Equipment JSC	7,170,266,109	-	7,170,266,109	-
Others	27,153,624,878	1,473,269,973	27,145,624,878	1,473,269,973
	<u>1,040,810,811,401</u>	<u>162,485,567,822</u>	<u>1,040,857,812,975</u>	<u>162,616,966,927</u>

10 INVENTORIES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost VND	Provision VND	Original cost VND	Provision VND
Raw materials	1,825,344,133	-	1,825,344,133	-
Tools, supplies	431,700,000	-	431,700,000	-
Work in progress	1,288,847,735,243	-	1,379,564,112,312	-
Finished goods	-	-	-	-
Goods	333,945,000	-	13,194,263,182	(11,410,834,208)
	1,291,438,724,376	-	1,395,015,419,627	(11,410,834,208)

Details of work in progress, as follows:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Thai Binh 2 Thermal Power Plant (i)	1,015,808,541,059	1,110,252,563,799
Vung Ang 1 Thermal Power Plant (i)	245,057,868,468	245,057,868,468
Song Hau 1 Thermal Power Plant (ii)	12,889,703,081	12,889,703,081
Others	15,091,622,635	11,363,976,964
	1,288,847,735,243	1,379,564,112,312

(i) The Corporation is a sub-contractor of the EPC general contractor of these projects. As presented in Note 34 of the Notes to the Separate Financial Statements, due to changes in design and unit prices, the Corporation is requesting the Owner, General Contractor and competent authorities to consider an adjustment for unforeseen additional costs of the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project. The Separate Financial Statements do not include any adjustments that may be related to this matter.

(ii) Song Hau 1 Thermal Power Plant

- Location: Phu Xuan ward, Mai Dam town, Chau Thanh district, Hau Giang province (now Chau Thanh Commune, Can Tho City);
- Investor: Vietnam National Industry - Energy Group, which signed Contract No. 2348/HD-DKVN on 10 April 2015 with Vietnam Machinery Erection Corporation;
- The Corporation is a subcontractor for the General Contractor under Contract No. C15/SH1-LLM-PVC for the construction package;
- Total contract value: VND 2,555,445,781,034 (after tax);
- Construction timeline: Construction started in 2016 and was expected to be completed in 2018
- Current status: The project has now been completed and is awaiting final settlement.

11 PREPAID EXPENSES

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Short-term		
Others	187,369,949	217,796,265
	187,369,949	217,796,265
b) Long-term		
Prepaid expenses of office lease (i)	4,819,870,285	5,472,381,608
Others	235,324,987	350,201,235
	5,055,195,272	5,822,582,843

(i) Prepaid expenses for office rent are amortized according to the office lease contract for the San Nam building No. 001/2009/SN-PVC dated 8 January 2009 between the Corporation and San Nam Co., Ltd.

Buildings, structures	Machinery, equipment	Vehicles, transportation equipment	Office equipment	Total
VND	VND	VND	VND	VND
16,833,001,007	4,544,455,037	18,608,996,556	10,310,421,992	50,296,874,592
16,833,001,007	4,544,455,037	18,608,996,556	10,310,421,992	50,296,874,592
6,753,336,146	4,544,455,037	18,608,996,556	10,237,962,399	40,144,750,138
245,217,570	-	-	37,940,124	283,157,694
6,998,553,716	4,544,455,037	18,608,996,556	10,275,902,523	40,427,907,832
10,079,664,861	-	-	72,459,593	10,152,124,454
9,834,447,291	-	-	34,519,469	9,868,966,760



13 INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Manager software	Total
	VND	VND
Historical cost		
Beginning balance	5,505,180,340	5,505,180,340
Ending balance of the period	5,505,180,340	5,505,180,340
Accumulated depreciation		
Beginning balance	5,160,180,334	5,160,180,334
Depreciation in the period	49,999,998	49,999,998
Ending balance of the period	5,210,180,332	5,210,180,332
Net carrying amount		
Beginning balance	345,000,006	345,000,006
Ending balance	295,000,008	295,000,008

The original cost of intangible fixed assets that have been fully depreciated but are still in use as of 30 June 2025, is 5,005,180,340 VND (as of 01 January 2025, it was 5,005,180,340 VND).

14 LONG-TERM ASSET IN PROGRESS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
a) Long-term work in progress				
- Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (i)	25,781,820,546	12,890,910,273	25,781,820,546	12,890,910,273
- Yarn Factory Project	25,759,325,212	9,162,306,880	25,759,325,212	9,162,306,880
- Long Phu Thermal Power Operation Center	12,180,083,636	800,000,000	12,180,083,636	800,000,000
- Others	6,929,963,962	1,218,354,603	7,329,825,521	1,618,216,162
	70,651,193,356	24,071,571,756	71,051,054,915	24,471,433,315

(i) According to Official Letter No.1828/TTg - KTN dated 15 October 2016 of the Prime Minister regarding adjustments to certain thermal power projects within the Quang Trach and Quynh Lap Power Centres, Vietnam Electricity will replace Vietnam National Industry - Energy Group as the investor of the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. As of the date of these Separate Financial Statements, the Corporation is still working with relevant parties to finalize and settle its incurred expenses related to this project.

b) Construction in progress

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Soai Rap Petroleum Service Industrial Zone Project in Tien Giang (ii)	127,973,080,823	127,973,080,823
- Petro Vietnam University Urban Area (iii)	3,883,984,985	3,883,984,985
- Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project (iii)	1,835,100,923	1,835,100,923
- Tam Dao Land Lot - Vinh Phuc	289,000,000	-
	133,981,166,731	133,692,166,731

- (ii) Construction in progress of Soai Rap - Tien Giang Petroleum Service Industrial Park Project ("Project"). The Project was received by the Corporation and designated as an investor by Vietnam National Industry - Energy Group (PVN) according to Decision No. 7089/QĐ-DKVN dated 12 August 2010 of the Board of Members of PVN.

On 22 August 2016, the Ministry of Finance issued Official Letter No. 11704/BTC-TCDN to the People's Committee of Tien Giang Province and PVN for specific instructions on the transfer of the Project.

According to Minute No. 1421/BB-SKH & DT dated 31 July 2017 from the Project Transfer Task Force of the People's Committee of Tien Giang province, the parties agreed to recognize the value of the project during the Corporation's implementation period at VND 143 billion.

On 01 October 2018, the Corporation signed a land lease termination agreement with the Department of Natural Resources and Environment of Tien Giang province, returning the land and its attached assets to this authority.

On 28 February 2019, the Government Office issued Official Letter No. 1630/VPCP-CN, directing the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Justice, the Ministry of Natural Resources and Environment, the Ministry of Industry and Trade, and the Commission for the Management of State Capital at Enterprises to guide the People's Committee of Tien Giang province and the project investor in reimbursing the invested expenses. This process must comply with legal regulations to prevent state asset loss and ensure the investor's rights.

Despite multiple directives from the Government, the Ministries have not yet developed an official plan to solve and guide the refund of the Corporation's invested expenses in the Soai Rap - Tien Giang Petroleum Service Industrial Park Project.

On 29 March 2021, the Corporation issued Official Letter No. 426/XLDK-KHDT&TCC on requesting to continue assignment as the investor of the Project.

On 06 August 2021, the Ministry of Planning and Investment issued Official Letter No. 5183/BKHĐT-QLKKT, proposing the Prime Minister to assign the People's Committee of Tien Giang Province to resolve all outstanding issues related to the Project within 2021, in accordance with its authority and the relevant legal regulations.

On 15 February 2022, the Government Office issued Official Letter No. 964/VPCP-CN announcing the directive of Deputy Prime Minister Le Van Thanh, assigning the Ministry of Natural Resources and Environment to provide specific guidance on the legal compliance of the land acquisition process conducted by the People's Committee of Tien Giang province. This guidance would serve as the basis for determining whether the Corporation is entitled to compensation for assets on the project land.

As at the date of these Separate Financial Statements, the project handover remains incomplete. The Board of Management believes that the Corporation will either fully recover the expenses incurred in implementing the project or be reassigned the project for continuing development.

- (iii) The Projects have been suspended for years. The Corporation's Board of Directors has not been able to assess the ability to bring future economic benefits from these projects.

15 SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
DL E&C Co., Ltd (i)	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304
Viet Nam Machinery Installation Corporation - JSC	207,108,219,700	207,108,219,700	206,781,647,084	206,781,647,084
Vietnam National Industry - Energy Group	177,259,565,265	177,259,565,265	177,207,065,265	177,207,065,265
Petroleum Industrial and Civil Construction JSC	59,275,146,373	59,275,146,373	70,514,325,748	70,514,325,748
Sojitz Corporation	111,744,046,642	111,744,046,642	111,744,046,642	111,744,046,642
Vietnam Electricity Petroleum	165,972,251,767	165,972,251,767	166,965,691,507	166,965,691,507
Mechanical Executing and Assembly JSC	57,444,675,794	57,444,675,794	57,624,311,377	57,624,311,377
Others	667,041,979,419	667,041,979,419	749,307,204,080	749,307,204,080
	2,490,265,527,264	2,490,265,527,264	2,584,563,934,007	2,584,563,934,007

- (i) On 25 January 2024, DL E&C Co., Ltd submitted a Statement of Claim to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC), initiating a dispute related to EPS Contract No. 30/HDKT/2012/PVC-SDC dated 22 May 2012, between the Corporation (the main contractor) and DL E&C Co., Ltd (the subcontractor).

The subcontractor has requested the Arbitral Tribunal to review and decide on the following matters: the conditions for granting the Operational Acceptance Certificate (completion certificate) for the work performed under the contract have been satisfied; the warranty period for the equipment and services provided by the subcontractor has ended; the Corporation is requested to settle the overdue debts amounting to USD 7.67 million and VND 287.3 million; refund the performance deposit for the EPS Contract, totaling USD 13.4 million and VND 532.9 million; return the retained amount for warranty obligations, totaling USD 20.05 million and VND 799.3 million; compensate for costs incurred due to project delays amounting to USD 11.85 million; other related claims amounting to USD 6.23 million; and the estimated late payment penalty amounting to USD 17.81 million.

On 31 May 2024, the Corporation submitted a Statement of Defense in response to DL E&C Co., Ltd's Statement of Claim to VIAC, with the following key arguments: the Corporation does not recognize DL E&C Co., Ltd's legal standing to initiate the claim, disputes the Arbitral Tribunal's jurisdiction over the case, and rejects all claims made by DL E&C Co., Ltd.

On the same day, the Corporation also filed a Counterclaim with VIAC, requesting DL E&C Co., Ltd to compensate for damages resulting from breaches in the execution of the EPS Contract, with a total counterclaim value of VND 17,955.47 million and USD 36.64 million.

On 13 June 2024, VIAC issued Notice No. 1722/VIAC, informing that the Arbitral Tribunal had decided to hold a case management conference, scheduled for early August 2024.

On 14 September 2024, VIAC issued Procedural Order No. 1 ("PO No. 1") under Notice No. 2747/VIAC on behalf of the Tribunal.

On 12 December 2024, VIAC conducted an online hearing attended by representatives of both the claimant and the respondent.

During the period, VIAC was working on collecting witness testimonies. On 25 July 2025, DL E&C submitted a letter to the Arbitral Tribunal proposing the addition of another factual witness, Mr. Choi Ok Jin – the legal representative of DL E&C Co., Ltd.

In parallel with participating in arbitration proceedings at VIAC, the Corporation continues to conduct negotiations to resolve disputes through dialogue and conciliation with the Contractor, DL E&C Co., Ltd, and has requested the Contractor to withdraw the aforementioned claims.

16 SHORT-TERM PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vung Ang - Quang Trach Petroleum Power Project Management Board	82,778,475,899	82,778,475,899
Viet Nam Machinery Installation Corporation - JSC	63,770,025,034	63,770,025,034
Others	38,233,894,039	32,031,803,188
	184,782,394,972	178,580,304,121

17 TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Tax receivable at the beginning of year VND	Tax payable at the beginning of year VND	Tax payable in the period VND	Tax paid in the period VND	Tax receivable at the end of the period VND	Tax payable at the end of the period VND
Value-added tax	26,600,011	161,641,578	104,877,171	104,877,171	26,600,011	161,641,578
Export, import duties	19,254,703	-	-	-	19,254,703	-
Corporate income tax	21,256,556,285	-	-	-	21,256,556,285	-
Personal income tax	51,045,511	1,251,202,808	883,179,456	956,204,934	89,553,758	1,216,685,577
Land tax and land rental	-	1,028,654,661	933,453,884	1,303,102,471	-	659,006,074
Other taxes	3,000,000	-	6,209,598,230	3,932,745,424	-	2,273,852,806
Fees, charges and other payables	783,720	-	77,901,787	77,901,787	783,720	-
	21,357,240,230	2,441,499,047	8,209,010,528	6,374,831,787	21,392,748,477	4,311,186,035

The Corporation's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Interim Separate Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

18 ACCRUED EXPENSES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Accrual of construction works	83,059,552,904	89,852,094,281
Other accrued expenses	5,059,552,217	5,009,284,841
	<u>88,119,105,121</u>	<u>94,861,379,122</u>
b) Long-term		
Accrual of construction works	115,497,608,588	115,497,608,588
	<u>115,497,608,588</u>	<u>115,497,608,588</u>

19 UNEARNED REVENUES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Revenues from property leasing	1,447,841,545	1,447,841,545
	<u>1,447,841,545</u>	<u>1,447,841,545</u>
b) Long-term		
Revenues from property leasing (i)	49,908,331,269	50,632,252,045
	<u>49,908,331,269</u>	<u>50,632,252,045</u>

(i) Including: VND 42,996,289,426 is the balance of land rent received in advance by PetroVietnam Steel Pipe Production Joint Stock Company under Contract No. 01/HDD/PVPIPE-PVC dated 01 November 2012 with the lease period of 588 months and a contract value of VND 46,818,181,818 at Soai Rap Industrial Park - Tien Giang. The Corporation has allocated this rental amount to revenue up to December 2014 with the amount of VND 3,821,892,393. After December 2014, the project was planned to be handed over to the People's Committee of Tien Giang province, but the handover process has not been completed yet (detailed in Note 14). Therefore, the Corporation has not yet worked with customers on the remaining balance of land rent mentioned above.

20 OTHER PAYABLES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Trade union fee	1,692,885,804	1,779,814,942
Social insurance	169,381,625	50,959,975
Health Insurance	193,109,341	93,089,851
Unemployment insurance	21,717,319	17,551,681
Short-term deposits, collateral received	8,705,600	3,000,000
Provision for guarantee obligations (i)	137,942,779,492	137,942,779,492
Modern Bank of Vietnam Limited (ii)	177,674,072,491	172,784,334,551
Vietnam National Industry - Energy Group (iii)	54,098,464,510	54,098,464,510
Others	49,888,161,578	52,902,129,753
	421,689,277,760	419,672,124,755
b) Long-term		
Long-term deposits, collateral received	13,856,187	13,856,187
	13,856,187	13,856,187

(i) As at 30 June 2025, the provision for guarantee obligations was as presented in Note 33.

(ii) Interest payable to Modern Bank of Vietnam - MBV (formerly Ocean Commercial Bank Limited - OceanBank) includes the Corporation's interest expense and interest expense that the Corporation will collect from companies that the Corporation has paid or lent under capital support contracts (detailed in Note 8) to pay OceanBank. According to Resolution No. 7548/NQ-DKVN dated 29 October, 2014 of the Board of Members of Vietnam National Industry - Energy Group and Official Letter No. 7697/2014/CV-OceanBank dated 9 December 2014 of OceanBank, the payment deadline for these amounts was extended to 31 December 2017 and the loan interest rate was reduced to 1% per annum from 01 January 2015 as presented in Note 21. From 01 January 2018, the loan was subject to an overdue interest rate equal to 150% of the current interest rate. As at the date of these Separate Financial Statements, the Corporation is seeking solutions to settle the overdue loan interest payable.

(iii) Including VND 42.22 billion payable to Vietnam National Industry - Energy Group, which is the amount that Vietnam Oil and Gas Group supported the Corporation to pay contractors of the Soai Rap - Tien Giang Petroleum Service Industrial Park Project.

21 BORROWINGS

	01/01/2025		During the period		30/06/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Short-term borrowings						
Short-term debts (i)	9,336,400,000	9,336,400,000	-	9,336,400,000	-	-
Current portion of long-term debts	575,670,157,122	575,670,157,122	-	-	575,670,157,122	575,670,157,122
	585,006,557,122	585,006,557,122	-	9,336,400,000	575,670,157,122	575,670,157,122
b) Long-term borrowings						
Long-term debts (ii)	575,670,157,122	575,670,157,122	-	-	575,670,157,122	575,670,157,122
	575,670,157,122	575,670,157,122	-	-	575,670,157,122	575,670,157,122
Amount due for settlement within 12 months	(575,670,157,122)	(575,670,157,122)			(575,670,157,122)	(575,670,157,122)
Amount due for settlement after 12 months	-	-			-	-

(i) Detailed information on Short-term borrowings and Current portion of long-term debts:

	Currency	Interest Rate	Maturity	Loan purpose	Guarantee	30/06/2025	01/01/2025
						VND	VND
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (Ha Dong Branch)	VND	Floating	11 months	Supplement working capital, guarantee to open LC	Secured (*)	-	9,336,400,000
						-	9,336,400,000

(*) Pledged by term deposits (Note 04).

(ii) Detailed information on Long-term borrowings:

	Currency	Interest Rate	Date due	Loan purpose	Guarantee	30/06/2025	01/01/2025
						VND	VND
Long-term borrowings							
- Contract No. 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC dated 20 October 2010	VND	4.90%	31/12/2017	Invest capital in Lam Kinh Hotel JSC	Unsecured	200,000,000,000	200,000,000,000
- Contract No. 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC dated 30/06/2011	VND	4.90%	31/12/2017	Investment loan in Thai Binh Petroleum Investment and Trading JSC	Unsecured	65,000,000,000	65,000,000,000
- Contract No. 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC dated June 30, 2011	VND	5.50%	31/12/2017	Making payments and offsetting investment payments received from PVFC under the Purchase and Sale Contract/Transfer Contract	Unsecured	310,670,157,122	310,670,157,122
						<u>575,670,157,122</u>	<u>575,670,157,122</u>
Amount due for settlement within 12 months						(575,670,157,122)	(575,670,157,122)
Amount due for settlement after 12 months						-	-

According to Resolution No. 7548/NQ-DKVN dated 29 October 2014 of the Members's Vietnam Oil and Gas Group (now Vietnam National Industry - Energy Group) and Official Letter No. 7697/2014/CV-OceanBank dated 09 December 2014 issued by OceanBank (now Modern Bank of Vietnam – MBV), the payment terms of these credit contracts were extended to 31 December 2017 and the applicable interest rates were 2.4% per year from the date the Corporation failed to pay interest until 31 December 2014 and 1% per year from 01 January 2015. From 01 January 2018, the loan has been subject to a penalty interest rate equal to 150% of the regular interest rate. As at the date of these Separate financial statements, the loans are overdue, the Corporation is seeking solutions to repay the principal.

c) Overdue borrowings and finance lease liabilities

	30/06/2025		01/01/2025	
	Principal	Interest	Principal	Interest
	VND	VND	VND	VND
Modern Bank of Vietnam Limited	575,670,157,122	177,674,072,491	575,670,157,122	172,784,334,551
	<u>575,670,157,122</u>	<u>177,674,072,491</u>	<u>575,670,157,122</u>	<u>172,784,334,551</u>

22 OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Treasury shares	Development and investment funds	Other reserves	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous year (adjusted)	4,000,000,000,000	(29,710,000)	76,986,992,734	500,000,000	(3,779,085,731,797)	298,371,550,937
Loss for previous period	-	-	-	-	(66,281,657,371)	(66,281,657,371)
Ending balance of previous period (adjusted)	4,000,000,000,000	(29,710,000)	76,986,992,734	500,000,000	(3,845,367,389,168)	232,089,893,566
Beginning balance of current year (adjusted)	4,000,000,000,000	(29,710,000)	76,986,992,734	500,000,000	(3,774,964,840,637)	302,492,442,097
Loss for this period	-	-	-	-	(18,768,393,004)	(18,768,393,004)
Ending balance of this period	4,000,000,000,000	(29,710,000)	76,986,992,734	500,000,000	(3,793,733,233,641)	283,724,049,093

b) Details of Contributed capital

	30/06/2025	Rate	01/01/2025	Rate
	VND		VND	
Vietnam National Industry - Energy Group	2,178,733,330,000	54.47%	2,178,733,330,000	54.47%
Others	1,821,266,670,000	45.53%	1,821,266,670,000	45.53%
	<u>4,000,000,000,000</u>	<u>100%</u>	<u>4,000,000,000,000</u>	<u>100%</u>

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital		
- At the beginning of the year	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
- At the end of the period	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000

d) Share

	30/06/2025	01/01/2025
Quantity of Authorized issuing shares	400,000,000	400,000,000
Quantity of issued shares	400,000,000	400,000,000
- Common shares	400,000,000	400,000,000
Quantity of shares repurchased (Treasury shares)	2,971	2,971
- Common shares	2,971	2,971
Quantity of outstanding shares in circulation	399,997,029	399,997,029
- Common shares	399,997,029	399,997,029
Par value per share: 10,000 VND		

e) Company's reserves

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Development and investment funds	76,986,992,734	76,986,992,734
Other reserves	500,000,000	500,000,000
	77,486,992,734	77,486,992,734

23 OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT

a) Foreign currencies

	30/06/2025	01/01/2025
USD	29,545,887.46	7,364,593.80

b) Doubtful debts written-off

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Doubtful debts written-off	9,716,217,233	9,716,217,233

24 TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Revenue from construction contracts	219,272,676,694	164,789,137,873
Revenue from goods sold	1,452,856,336	985,255,941
Revenue from rendering of services	55,214,460,796	1,252,898,164
	275,939,993,826	167,027,291,978

25 COST OF GOODS SOLD

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Cost of construction contracts	218,566,075,447	165,802,372,326
Cost of goods sold	13,067,493,277	1,423,522,028
Cost of services rendered	55,946,700,919	1,803,270,811
Provision for devaluation of inventories	(11,410,834,208)	-
	276,169,435,435	169,029,165,165

26 FINANCIAL INCOME

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest income	4,339,432,193	4,159,423,910
Gain on exchange difference in the period	11,811,809,629	4,525,775,665
Gain on exchange difference at the period - end	2,900,452,733	4,898,084,010
	19,051,694,555	13,583,283,585

27 FINANCIAL EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest expenses	2,169,442,576	5,258,589,188
Loss on exchange difference in the period	813,625,507	13,503,581,737
Loss on exchange difference at the period - end	-	12,924,745,991
Provision for diminution in value of trading securities and impairment loss from investment	9,234,424,504	13,697,408,076
Other financial expenses	2,892,508,331	2,414,660,539
	15,110,000,918	47,798,985,531

28 GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Labour expenses	15,720,062,300	16,163,813,556
Tools, instruments and supplies expenses	205,270,798	135,761,365
Depreciation expenses	104,007,248	228,907,400
Tax, Charge, Fee	448,537,571	434,790,311
Provision expenses	84,397,531	7,507,315,681
Expenses of outsourcing services	3,930,048,416	3,175,899,192
Other expenses in cash	1,786,073,261	2,551,487,531
	22,278,397,125	30,197,975,036

29 OTHER INCOME

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Gain from liquidation, disposal of fixed assets	-	357,181,818
Collected fines	613,162,295	-
Others	4,224,967	490,471
	617,387,262	357,672,289

30 OTHER EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest on late payment of tax and insurance	111,916,442	207,370,289
Fines	707,718,727	-
Others	-	16,409,202
	819,635,169	223,779,491

31 CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Total profit before tax	(18,768,393,004)	(66,281,657,371)
Increase	982,171,346	375,887,502
- <i>Ineligible expenses</i>	982,171,346	375,887,502
Taxable income	(17,786,221,658)	(65,905,769,869)
Current corporate income tax expense (20%)	-	-
Tax payable at the beginning of the year	(21,256,556,285)	(21,256,556,285)
Tax paid in the period	-	-
Corporate income tax payable at the end of the period	(21,256,556,285)	(21,256,556,285)

32 BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	72,541,885	1,362,639,797
Labour expenses	21,182,439,471	22,327,504,740
Tools, instruments and supplies	205,270,798	824,218,767
Depreciation expenses	333,157,692	559,646,870
Taxes, fees and charges	832,958,062	983,078,114
Provision expenses	84,397,531	7,507,315,681
Expenses of outsourcing services	178,078,451,589	124,308,683,520
Other expenses in cash	4,786,603,356	3,140,059,282
	205,575,820,384	161,013,146,771

33 CONTINGENCIES

a) Guarantee for borrowings

As at 30/06/2025, the Corporation has overdue guarantees for other companies' borrowings at credit institutions, specifically as follows:

Guaranteed unit	Organization received guarantees	Guarantee period	Guarantee balance at the end of the period VND	Overdue loan balance at the end of the period VND	Provision for end-of-term liabilities VND
Hanoi Petroleum Construction JSC	Vietnam International Bank - Headquarters	From 31/12/2011 to 30/04/2012	73,668,464,073	73,668,464,073	73,668,464,073
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank - Dong Do Branch	From 01/01/2012 to 30/06/2012	49,961,348,093	49,961,348,093	49,961,348,093
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Headquarters	From 26/07/2011 to 26/07/2012	14,312,967,325	14,312,967,325	14,312,967,325
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC (*)	Modern Bank of Vietnam Limited - Sai Gon Branch	From 31/12/2011 to 30/08/2012	17,103,570,845	17,103,570,845	-
			155,046,350,336	155,046,350,336	137,942,779,491

The Corporation, as a guarantor, has committed to pay credit institutions the amounts equal to the value of the relevant letters of guarantee plus any accrued interest, penalties and other financial obligations (if any), immediately upon receipt of the first written request demand accompanied by supporting documentation proving that the guaranteed entities have failed to fulfil or have inadequately fulfil their repayment obligations (if any). As of 30 June 2025:

- Credit institutions have debited approximately VND 91 billion from the Corporation's deposit accounts to fulfil its guarantee obligations;
- Guaranteed entities have repaid the Corporation approximately VND 49 billion out of the amount debited.

Thus, the outstanding balance of receivables relating to guarantee obligations as at 30 June 2025 is approximately VND 42.8 billion (see Note 08).

Following the recommendations of the State Audit Office stated in the Audit Report for the year 2014 dated 10 March 2016, the Corporation made provision for all payable liabilities in respect of these guarantees in the Separate Financial Statements for the year ended 31 December 2014. At the reporting date of these Interim Separate Financial Statements, the guaranteed entities were still working with credit institutions regarding the extension of the repayment terms. The Corporation is also working with these entities and credit institutions to release its guarantee obligations in order to enhance its liquidity.

(*) In 2016, the Corporation reviewed all of its letters of guarantee and assessed that its obligation under the guarantee provided for Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company (PVC-SG) in relation to a loan from Ocean Commercial Joint Stock Bank (OceanBank) - Saigon Branch (now Modern Bank of Vietnam - MBV - Saigon Branch) had been changed. Following the assessment, the Provision Appraisal Council of the Corporation had decided to reverse the provision previously made for the Corporation's liabilities under the letter of guarantee for PVC-SG's loan from OceanBank - Sai Gon Branch with the amount of approximately VND 99.9 billion. This provision reversal reduced the Corporation's financial expenses for 2016.

On 18 August 2016, PVC-SG sent Official Letter No. 58/XLDKSG to the Corporation, reporting details regarding the collateral for the entrusted loan and its ongoing discussions with Oceanbank. According to the letter, on 10 August 2016, Oceanbank - Saigon Branch issued Official Letter No. 784/2016/CV-CNSG, responding to PVC-SG's proposed debt settlement plan. In this Official Letter, Oceanbank - Saigon Branch approved PVC-SG's investment and business plan for the Urban Development Project of Areas 2 and 3, Ward 5, Vi Thanh City, Hau Giang Province (Vi Thanh Project) as well as the partial release of collateral to enable PVC-SG to sell goods/assets and generate funds for debt repayment. Under this plan, PVC-SG committed to repaying the full outstanding principal amount of approximately VND 148 billion to Ocean Bank.

As at 30 June 2025, PVC-SG has repaid VND 131 billion out of VND 148 billion of the principal. Additionally, PVC-SG has effectively implemented the debt repayment plan proposed by Oceanbank - Saigon Branch. Based on this progress, the Board of Management assesses that the Parent Company - the Corporation will not incur any liability under the guarantee, as PVC SG is financially capable of fulfilling its repayment obligations to Oceanbank (now Modern Bank of Vietnam - MBV).

b) Payment guarantee

On 29 December 2010, the Corporation signed Guarantee Agreement No. 0112/2010/HDBL.TT-PVCTB with Thai Binh Petroleum Tourism Company Limited (currently known as Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (PVC Thai Binh) - a subsidiary of the Corporation) and issued a guarantee payment letter for PVC Thai Binh, with a guaranteed amount of approximately VND 111.8 billion. Under this guarantee, the Corporation undertakes and assures PetroVietnam Exploration Production Corporation (PVEP) that PVC Thai Binh would fully and timely fulfil its payment obligations to PVEP in accordance with the Agreement on the transfer of Thai Binh Petroleum Hotel Construction project, signed on 28 December 2010 between PVEP and PVC Thai Binh. The letter of guarantee takes effect from the signing date until PVC Thai Binh has fully discharged its obligations to PVEP in accordance with the terms of the transfer agreement.

In 2016, the Corporation received a request from PVEP to fulfil its guarantee obligation. However, the Board of Management of the Corporation has assessed that no liabilities will arise for the Parent Company under this guarantee, as PVC Thai Binh is able to fulfil its payment obligation to PVEP.

c) Conclusion of the Government Inspectorate

The Corporation was the contractor for the Northern Ethanol Biofuel Plant construction project and the Dinh Vu Polyester Manufacturing Plant construction project.

On 24 November 2016, the Governance Inspectorate issued Announcement No. 3129/TB-TTCP, concluding its inspection of biofuel projects that were partially funded by Vietnam Oil and Gas Group (now Vietnam National Industry - Energy Group) and its subsidiaries. Based on the inspection findings, the Government Inspectorate proposed that the Corporation should be responsible for economic loss incurred by the project owner due to breach of the EPC Contract for the construction of the Northern Ethanol Biofuel Plant.

On the same day, 24 November 2016, the Government Inspectorate also issued Announcement No. 3130/TB-TTCP, summarizing the findings of its inspection regarding the construction of the Dinh Vu Polyester Manufacturing Plant. According to the Government Inspectorate, the following corrective measures were recommended:

- A reduction of approximately VND 46.8 billion in the accepted and paid value of the work performed by the Corporation due to violations of the Foreign Exchange Ordinance in contract execution,
- A reduction of approximately VND 8.1 billion and USD 23,000 in the EPC contract's accepted and paid value due to duplicate acceptance of work volumes and unauthorized acceptance of additional work volumes beyond the regulatory framework.

The Corporation's Board of Management has assessed that the conclusions in the above Government Inspectorate reports were directed at the project owners, with whom the Corporation had contractual relationships as a related party. As at the reporting date, the Corporation was still working with the project owners and the Government Inspectorate to clarify and address matters concerning the Corporation's involvement as stated in the inspection reports.

In 2022, the Corporation received the Government Inspector Conclusion No. 2090/KL-TTCT dated 23 November 2022 regarding its compliance with policies and laws in production and business activities during the period 2008-2013. The Corporation has been actively coordinating with relevant parties to implement the recommendations of the Government Inspector in accordance with this conclusion.

d) Contingent liabilities

As of the reporting date of these Separate Financial Statements, except for the litigation disclosed in Note 15, the Corporation and its subsidiaries were involved in several ongoing litigation cases related to receivables, payables and contingent liabilities relating to valued added tax obligations and penalties for late payment of tax on recognized revenue that has not yet been invoiced. The outcomes of these litigation cases and other contingent liabilities remain uncertain at this stage.

34 OTHER INFORMATION

a) Unexpected costs at the Corporation's construction projects

Due to economic fluctuations, the Corporation's business operations are exposed to risks associated with changes in market value of construction materials. Significant price fluctuations in these materials could have a major impact on the Corporation's financial obligations and economic benefits. However, the Board of Management acknowledges that market trends and government macroeconomic policies are highly unpredictable. Therefore, it is impossible to quantify the exact impact of these factors on the Corporation's ongoing construction projects. The final result will only be determined upon completion and handover of the projects to the investors.

Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project

The Corporation signed an EPC contract to construct Thai Binh 2 Thermal Power Plant with the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board (under Vietnam National Industry - Energy Group) with a contract value of approximately USD 918 million and VND 5,874 billion. At the date of these Separate Financial Statements, the total provisional contract value signed by the Corporation with subcontractors for the project has exceeded the EPC contract value agreed with the Thai Binh Petroleum Power Project Management Board. According to Official Letter No. 737/TTg-KTN dated 23 May 2014 of the Prime Minister, the Thai Binh 2 Thermal Power Plant has been classified as a priority power project for the period 2013-2020.

The project is subject to special mechanisms and policies outlined in Decision No.2414/QĐ-TTg dated 11 December 2013 of the Prime Minister.

According to a resolution by the Board of Directors of the Corporation, which temporarily approved the EPC contract implementation plan, the expected revenue for the project is USD 926.6 million and VND 11,076.2 billion; while the estimated cost is USD 921.2 million and VND 11,402.1 billion; resulting in a projected gross loss margin of 0.67%. As of the reporting date, the Corporation and the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board are negotiating and finalizing appendices to adjust the EPC contract value. Simultaneously, the Corporation is also working with subcontractors to re-sign appendices adjusting their contract values. The Board of Management considers this to be the best estimate available at the time of preparing these Separate Financial Statements and the estimate is continuously reviewed and updated to accurately reflect the actual financial performance of the Project. Accordingly, the Corporation has recognized revenue and expenses of this project based on the projected gross loss ratio.

Vung Ang 1 Thermal Power Plant

On 28 September 2009, the Corporation signed a construction contract for the Vung Ang 1 Thermal Power Plant with Vietnam Machinery Installation Corporation (LILAMA) under Contract No. 280909/LILAMA-PVC with a total value of approximately VND 1,322 billion. According to Resolution No. 686/NQ-ĐKVN dated 27 January 2014, Vietnam National Industry - Energy Group (PVN) has approved the unforeseeable costs of the entire Vung Ang 1 Thermal Power Plant project, including internal roads and construction, amounting to approximately VND 1,090 billion. After verification and appraisal, the estimated value of construction work performed by the Corporation increased by approximately VND 290 billion (excluding deductible value-added tax) compared to the initial lump-sum contract value signed by the Corporation. The Corporation has

formally requested PVN to consider adjusting the additional unexpected costs of this project. At the date of these Separate Financial Statements, PVN and relevant state authorities have not yet issued a final decision regarding this matter. However, the Board of Management believes that the additional contract value will be approved and officially signed.

b) Information on the Corporation's restructuring

According to Resolution No. 332/NQ-XLDK-DHDCD dated 11 October 2022 of the General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation approving the Corporation's restructuring plan for the 2021-2025 period:

- The Corporation will continue to hold at least 51% of its charter capital in the period 2021-2025 in two subsidiaries: Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company (PVC-PT) and Petroleum Equipment Assembly & Metal Structure JSC (PVC-MS).
- The Corporation will fully divest its investment in all other subsidiaries during the 2021-2025 period.
- The following companies: Hanoi Petroleum Construction JSC (PVC-HN), Petroleum Mechanical Executing and Assembly Joint Stock Company (PVC-ME), Mien Trung Petroleum Construction JSC (PVC-MT) and PetroVietnam Urban Development JSC (PVC-Mekong) will be dissolved or declared bankrupt in case the Corporation fails to divest its capital.
- The Corporation will divest all other long-term financial investments and trading securities during the 2021-2025 period.

35 SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the Interim Separate financial statements.

36 REMUNERATION, SALARIES AND OTHER INCOME OF MANAGERS OF THE CORPORATION

Remuneration, salaries and other income of members of the Board of Directors, General Director, Supervisory Board and other managers are as follows:

	Position	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Board of Directors		1,240,291,291	1,220,258,282
Mr Nghiem Quang Huy	Chairman of the Board	309,237,143	302,879,303
Mr Pham Van Khanh	Independent board member	122,520,000	123,665,000
Mr Tran Hai Bang	Board member	280,350,576	275,609,410
Mr Nguyen Hoai Nam	Board member	261,580,000	257,200,070
Mr Chu Thanh Hai	Board member	266,603,572	260,904,499
Board of Management		1,162,233,643	1,106,193,741
Mr Tran Quoc Hoan	General Director (Appointed on 01/01/2024)	319,985,553	207,820,000
Mr Phan Tu Giang	General Director (Resigned on 01/01/2024)	-	109,537,217
Mr Nguyen Van Dong	Deputy General Director	286,558,064	281,276,575
Mr Pham Trung Kien	Deputy General Director	284,893,986	237,585,990
Mr Bui Son Truong	Deputy General Director	270,796,040	269,973,959
Board of Supervision		268,443,120	275,910,749
Mr Hua Xuan Nam	Head of the Board	236,043,120	243,510,749
Ms La Minh Hue	Member (Appointed on 29/05/2025)	-	-
Mr Phung Van Sy	Member (Resigned on 29/05/2025)	16,200,000	16,200,000
Mr Nguyen Ngoc Cuong	Member	16,200,000	16,200,000

37 COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures in the Interim Separate Statement of Financial Position and corresponding Notes are taken from the Separate Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which were audited by AASC Auditing Firm Company Limited. The comparative figures in the Interim Separate Statement of income, Interim Separate Statement of Cash flows and corresponding Notes are taken from the Interim Separate Financial Statements which have been reviewed for the period from 01/01/2024 to 30/06/2024.

The Board of Management of the Corporation has decided to retrospectively adjust some of the items in the (Separate) Financial Statements for the year ended as at 31 December 2024. As Petroleum Equipment Assembly & Metal Structure JSC (a subsidiary) restated its financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024, retained earnings decreased by VND 17,761,115,440. Accordingly, the Corporation determined the need to adjust the provision for long-term financial investments from prior years. Details are as follows:

	Code	Figures in the Separate Financial Statements of previous year	Adjusted figures	Difference
		VND	VND	VND
Interim Separate Statement of Financial position				
- Provision for devaluation of long-term investments	254	(1,796,242,246,766)	(1,805,275,056,383)	(9,032,809,617)
- Retained earnings accumulated to previous year	421a	(3,770,052,922,180)	(3,779,085,731,797)	(9,032,809,617)


Vu Thi Cham
Preparer


Vu Minh Cong
Chief Accountant


Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 29 August 2025



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 1061 /XLDK-TCKT

V/v: Công bố giải trình BCTC Công ty Mẹ
06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/08/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Petrocons) xin được giải trình về kết quả và sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ sau soát xét kiểm toán so với trước soát xét kiểm toán từ 5% trở lên; sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ sau soát xét kiểm toán 06 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ 2024 từ 10% trở lên như sau:

1. Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ trước và sau soát xét kiểm toán:

- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét : (18,768) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 trước soát xét : (6,385) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế sau soát xét giảm so với trước soát xét : (12,382) tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế sau soát xét kiểm toán 06 tháng đầu năm 2025 giảm so với trước soát xét kiểm toán 12,382 tỷ đồng tương đương 193,92 %, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính (ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá) sau soát xét kiểm toán giảm.

2. Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ sau soát xét kiểm toán 06 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024:

- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét : (18,768) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2024 sau soát xét : (66,281) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế sau soát xét tăng so với cùng kỳ năm trước : 47,513 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán tăng so với cùng kỳ năm trước là 47,513 tỷ đồng tương đương 71,68%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính tăng, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

+ Doanh thu hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán tăng 5,468 tỷ đồng tương đương 40,26% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí tài chính 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán giảm 32,688 tỷ đồng tương đương 68,39 % so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính và lỗ chênh lệch tỷ giá 06 tháng đầu năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán giảm 7,919 tỷ đồng tương đương 26,23% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong 06 tháng đầu năm 2025 chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi giảm so với cùng kỳ năm trước.

3. Ý kiến từ chối đưa ra kết luận trên báo cáo kiểm toán:

Ý kiến 1: “Tại ngày 30/06/2025, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.793,68 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.774,96 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.769,78 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 244,42 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 753,34 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc soát xét báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được đầy đủ thông tin do đó không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2 “Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Tổng Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày lập báo cáo do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 30/06/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt

diện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 4 “Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2025 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5 “Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 932,58 tỷ VND và 861,84 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 30/06/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của Petrocons, Petrocons chưa thu thập được báo cáo tài chính 30/06/2025 soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó Petrocons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. Petrocons tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

4. Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5. Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Petrocons đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo Petrocons nhận thức rõ Petrocons đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, Petrocons đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà Petrocons và các đơn vị thành viên thực hiện;
- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;
- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể Petrocons theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của Petrocons; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Petrocons;
- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;

- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà Petrocons đang tham gia;
- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (b/cáo);
- BKS (b/cáo);
- Website PVC;
- Bộ phận Công bố thông tin;
- Lưu VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hoàn



No: 1061/XLDK-TCKT

Hanoi, 29 August 2025

Re: Disclosure of the Explanation for the Reviewed
Interim Separate Financial Statements

To: Hanoi Stock Exchange

Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market;

Pursuant to Circular No. 68/2024/TT-BTC dated August 18, 2024, issued by the Ministry of Finance, providing guidance on the amendment and supplementation of certain provisions of the circulars governing securities transactions on the securities trading system; clearing and settlement of securities transactions; operations of securities companies; and information disclosure in the securities market.

Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation (Petrocons) hereby submits its explanation of the results and fluctuations in the net profit after tax item on the Reviewed Separate Financial Statements of the Parent Company compared to the Pre-reviewed Financial Statements, with a variance of 5% or more; and the fluctuation of net profit after tax on the Reviewed Separate Financial Statements of the Parent Company for the first six months of 2025 compared to the same period in 2024 with a variance of 10% or more, as follows:

1. Regarding the net profit after tax of the Parent Company before and after the review audit:

- Net profit after tax for the first six months of 2025 after review: (VND 18.768 billion)
- Net profit after tax for the first six months of 2025 before review: (VND 6.385 billion)
- Net profit after tax decreased after review: (VND 12.382 billion)

The net profit after tax after the audit review for the first six months of 2025 decreased by VND 12.382 billion, equivalent to 193.92%, mainly due to the decrease in financial income (impacted by foreign exchange differences) after the audit review.

2. Regarding the post-review net profit after tax indicator on the Separate Financial Statements of the Parent Company for the first six months of 2025 compared to the same period in 2024:

- Net profit after tax for the first six months of 2025 (reviewed): VND (18.768) billion
- Net profit after tax for the first six months of 2024 (reviewed): VND (66.281) billion
- Increase in net profit after tax compared to the same period last year VND 47.513 billion

The net profit after tax for the first six months of 2025 (reviewed) increased by VND 47.513 billion, equivalent to 71.68%, compared to the same period last year. The main reasons for this increase were the rise in financial income and the reductions in financial expenses and administrative expenses, specifically:

+ Financial income for the first six months of 2025 (reviewed) increased by VND 5.468 billion, or 40.26%, compared to the same period last year, mainly due to an increase in realized foreign exchange gains.

+ Financial expenses for the first six months of 2025 (reviewed) decreased by VND 32.688 billion, or 68.39%, compared to the same period last year, mainly due to reductions in financial investment provisions and foreign exchange losses.

+ Administrative expenses for the first six months of 2025 (reviewed) decreased by VND 7.919 billion, or 26.23%, compared to the same period last year, primarily due to lower provisions for doubtful receivables during the period.

3. Disclaimer of opinion in the audit report:

Opinion 1: “As at 30 June 2025, the Interim Separate Financial Statements of the Corporation reflect the following: Accumulated loss (code 421) of VND 3,793.68 billion (compared to VND 3,774.96 billion as at 01 January 2025); current liabilities (code 310) of VND 3,769.78 billion, exceeding current assets (code 100) by VND 244.42 billion (as at 01 January 2025, current liabilities were 3,874.35 billion, exceeding current assets by VND 235.42 billion); overdue debts of VND 753.34 billion (compared to 748.45 billion as at 01 January 2025). These factors, along with the disclosures in Note 1, raise significant doubts about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's continuing operations depend on plans to recover debts, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and obtain financial support from shareholders and creditors. Within the scope of our review report on the Financial Statements, we do not have sufficient information to evaluate the appropriateness and effectiveness of these plans.”

The auditor's opinion stated in the audit report is due to the inability to obtain sufficient appropriate information and, as a result, the auditor was unable to determine whether the accompanying separate financial statements were prepared appropriately under the assumption that the Corporation would continue as a going concern.

Opinion 2: “As at 30 June 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its operations (the same amount was recorded as at 01 January 2025), for which a provision of VND 124.4 billion had been made (unchanged from 01 January 2025) (see Note 7). We were unable to obtain sufficient evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at both 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.”

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at the reporting date. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related figures were necessary.

Opinion 3: “As at 30 June 2025, the cost of work in progress for the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (see Note 10) and the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (see Note 14) amounted to approximately VND 245.1 billion and VND 25.8 billion, respectively (the same amounts were reported as at 01 January 2025). As at the reporting date of the Interim Separate Financial Statements, the Corporation was still working with the relevant authorities on (1) approval for adjustments relating to

unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) the acceptance and finalization of the Corporation's incurred expenses for the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain sufficient evidence regarding the net realizable value of these works in progress as at both 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary."

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the work-in-progress balance, as well as the inability to perform alternative procedures to assess the required provision for inventory devaluation. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

Opinion 4: "Note 14 of the Separate Financial Statements presents a balance of construction in progress as at 30 June 2025 relating to projects invested by the Corporation that have been suspended in previous years, namely (1) the Petroleum University Urban Areas Project and (2) the Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project, with a total amount of approximately VND 5.72 billion (the same as at 01 January 2025). We were unable to obtain adequate documentation regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary"

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the future economic benefits of these projects. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

Opinion 5: "As at 30 June 2025, the Corporation held investments in subsidiaries, associates and other entities with a total book value of VND 932.58 billion and an impairment provision of VND 861.84 billion. These investments were provided for impairment based on the latest financial statements available to the Corporation (see Note 4). We were unable to obtain adequate documentation regarding the impairment losses on these investments and to perform alternative procedures to assess the adequacy of the impairment provision as at 30 June 2025. Therefore, we could not determine whether adjustments to these figures are necessary"

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the impairment of these investments, as well as the inability to perform alternative audit procedures to assess the required provision as at the reporting date. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

As of the date of issuance of Petrocons' audited financial statements, Petrocons had not yet obtained the reviewed financial statements as of June 30, 2025, of the aforementioned companies. Therefore, Petrocons used the most recent available financial statements of these entities to assess its investments in accordance with applicable regulations. Petrocons believes that the assessment of the above-mentioned financial investments complies with the accounting standards and prevailing regulations.



4. Regarding the Emphasis of Matters included in the audit report on the post-audit financial statements:

The auditor included Emphasis of Matter paragraphs in the audit report in accordance with Vietnamese Auditing Standard No. 706. The Corporation affirms that these Emphasis of Matters do not constitute qualifications or disclaimers. These matters are also not limitations in the scope of the audit, as the Corporation has fully provided all necessary documents and evidence to the auditor to enable them to assess the issues related to the Emphasis of Matters. The inclusion of these paragraphs is intended to draw readers' attention to matters that have been appropriately presented in the financial statements. These matters do not indicate that the auditor believes the financial statements fail to present fairly, in all material respects, the Corporation's financial position as at 30 June 2025, or the results of its operations and its cash flows, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and other relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

5. In order to address the challenges and mitigate accumulated losses in the forthcoming period, the Board of Directors of Petrocons has formulated the following strategic directions and remedial measures:

The Board of Directors of Petrocons is fully aware of the challenges the company is facing and has been taking steps to overcome them. Accordingly, with the support of PetroVietNam and its member units, Petrocons has been actively reviewing, developing, and implementing solutions to address difficulties, restore, and stabilize its business operations. The following specific solutions are planned for the upcoming period:

- Demonstrating resolute management in the execution of construction works across all projects undertaken by Petrocons and its subsidiaries.
- Proactively engage in marketing and bidding activities to seek and secure additional work sources.
- Continue implementing the comprehensive restructuring of Petrocons in alignment with the orientation approved by PetroVietNam, focusing on transforming the parent company into a direct participant in production and business activities within the construction sector. The parent company will play a strategic role in guiding the operations of its subsidiaries, divest all investments in entities outside Petrocons' core business sectors, and enhance its management, supervision, and operational oversight to ensure improved efficiency in the performance of subsidiaries and the effective utilization of Petrocons' investment capital.
- Take resolute measures in reviewing, reconciling, and recovering receivables, and develop detailed plans for debt recovery and resolution on a monthly and quarterly basis. These efforts aim to reclaim capital to ensure the continuity of production and business activities while minimizing financial costs arising from capital being tied up.
- Actively engage with PetroVietNam, its member units, and relevant state regulatory authorities to expedite the approval of additional costs incurred in projects in which Petrocons is currently participating
- Proactively and actively engage with banks and financial institutions to restructure debts, negotiate lower loan interest rates, and arrange sufficient capital to support

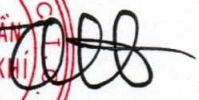
production and business activities, as well as to release guarantees in the upcoming period

PetroVietnam construction Joint Stock Corporation hereby submits its report to the Hanoi Stock Exchange

Thank you very much for your kind attention.

Recipients:

- As stated above;
- Board of Directors (for reporting);
- Supervisory Board (for reporting);
- Petrocons Website;
- Information Disclosure Department;
- Archive: Office and Finance-Accounting Department.


GENERAL DIRECTOR

★ **Tran Quoc Hoan**

